

Số: 12/2026/CBTT/SSV

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**Công ty:** CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

**Mã chứng khoán:** không có

**Trụ sở chính:** Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Điện thoại:** 028 6299 8000 Fax: 028 3939 0815

**Người thực hiện công bố thông tin:** Ông HAN BOKHEE - Chủ tịch Hội đồng thành viên

**Địa chỉ:** Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Điện thoại (Cơ quan):** 028 6299 8000 Fax: 028 3939 0815

**Loại thông tin công bố:**  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Thông tin này đã được công bố vào ngày 30 /03/2026 tại địa chỉ trang thông tin điện tử <https://shinhansec.com.vn/vi/tin-tuc-shinhan/bao-cao-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên 2025;
- Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) 2025.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

**Đại diện tổ chức**



**HAN BOKHEE**

Chủ tịch Hội đồng thành viên

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN  
SHINHAN VIỆT NAM  
SHINHAN SECURITIES  
VIETNAM CO., LTD.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 2025/BCTN-SSV  
No: 2025/BCTN-SSV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026  
Ho Chi Minh City, March 30, 2026

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

### **Năm 2025/Year 2025**

**Kính gửi/ To:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*  
Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Exchange*  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Ha Noi Stock Exchange*  
Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh Stock Exchange*

#### **I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION**

##### **1. Thông tin khái quát/ General information**

**Tên giao dịch/ Trading name:** CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

**Tên tiếng Anh/ English name:** SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD.

**Giấy phép thành lập và hoạt động số:** 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/02/2016.

**Establishment and Operation License No.:** 123/GP-UBCK issued by State Securities Commission dated February 04, 2016.

**Vốn điều lệ/Charter capital:** 1.912.600.000.000 VNĐ

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:** 1.912.600.000.000 VNĐ

**Địa chỉ:** Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Address:** Floor 18, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13, Functional Area No. 1, 15 Tran Bach Dang Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Số điện thoại/ Telephone:** 028 6299 8000

**Số fax/ Fax:** 028 3939 0815

**Website:** [www.shinhansec.com.vn](http://www.shinhansec.com.vn)

**Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any):** Không/No.

Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process:

- 04/02/2016** Mua lại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nam An và chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, ghi nhận vốn điều lệ là 146 tỷ Việt Nam đồng.  
*Acquired Nam An Securities Company and officially change the name into Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. under the license No. 123/GP-UBCK issued by SSC, recording the charter capital is 146 billion Vietnam dong.*
- 16/02/2016** Chính thức trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký Việt Nam.  
*Officially became custody member of VSDC.*
- 17/05/2016** Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.  
*Officially became member of Ha Noi Stock Exchange.*
- 12/10/2017** Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK.  
*Changed the Legal Representative under the amended license no. 50/GPĐC-UBCK.*
- 27/12/2017** Công ty tăng vốn điều lệ lên 812.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK.  
*The Company increased the charter capital to VND 812.600.000.000 under the amended license no. 62/GPĐC-UBCK.*
- 30/03/2018** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ nhất.  
*The first change of Company's Charter.*
- 20/11/2018** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ hai.  
*The second change of Company's Charter.*
- 24/04/2020** Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK.  
*Changed the Head office's address under the amended license no. 18/GPĐC-UBCK.*
- 02/06/2020** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ ba.  
*The third change of Company's Charter.*
- 11/08/2020** Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK.  
*Changed the Legal Representative under the amended license no. 49/GPĐC-UBCK.*
- 01/04/2021** Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK.  
*Changed the Head office's address under the amended license no. 15/GPĐC-UBCK.*
- 27/12/2021** Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.912.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 124/GPĐC-UBCK.  
*The Company increased the charter capital to VND 1.912.600.000.000 under the amended license no. 124/GPĐC-UBCK.*
- 27/12/2021** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ tư.  
*The fourth change of Company's Charter.*

- 10/01/2022** Nhận Quyết định 18/QĐ-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.  
*Received Decision 18/QĐ-UBCK on approving the Company provide cash advance service.*
- 29/04/2022** Là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 49/QĐ-SGDVN.  
*Became a trading member of Vietnam Exchange according to Decision No. 49/QĐ-SGDVN.*
- 22/06/2022** Nhận Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Bảo lãnh phát hành chứng khoán.  
*Received the Amendment License No. 48/GPĐC-UBCK on adding securities services: Securities underwriting.*
- 30/06/2022** Thành lập Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 419/QĐ-UBCK.  
*Established Hanoi Branch in accordance with Decision No. 419/QĐ-UBCK.*
- 21/09/2022** Nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 (Mã số doanh nghiệp: 0305374994).  
*Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, registered for the 8<sup>th</sup> change (Corporate code: 0305374994).*
- 16/03/2023** Nhận Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK về việc điều chỉnh thông tin Chủ sở hữu: Shinhan Securities Co., Ltd.  
*Received the Amendment License no. 21/GPĐC-UBCK on amending information of Owner: Shinhan Securities Co., Ltd.*
- 30/03/2023** Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 44/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
*Received Certificate of Registration of public fund certificates distribution no. 44/GCN-UBCK issued by State Securities Commission.*
- 21/06/2023** Nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9.  
*Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, registered for the 9<sup>th</sup> change.*
- 12/10/2023** Nhận Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ số 92/QĐ-SGDVN từ Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.  
*Received Decision on approving trading member of private corporate bond no. 92/QĐ-SGDVN from Vietnam Exchange.*
- 13/12/2023** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ năm.  
*The fifth change of Company's Charter.*

- 28/03/2024** Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh Hà Nội do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (Mã số chi nhánh: 0305374994-001).  
*Received Branch Operation Certificate issued by the Business Registration Division – Ha Noi Department of Planning and Investment (Branch code: 0305374994-001).*
- 13/08/2024** Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK.  
*Changed the Head office's address under the amended license no. 62/GPĐC-UBCK.*
- 28/08/2024** Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ sáu.  
*The sixth change of Company's Charter.*
- 29/08/2024** Nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10.  
*Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, registered for the 10<sup>th</sup> change.*
- 07/01/2025** Nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh số 15/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
*Received the Certificate of eligibility for derivatives trading business No. 15/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission.*
- 09/01/2025** Nhận Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch công cụ nợ số 02/QĐ-SGDVN từ Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.  
*Received the Decision on approving the debt instruments trading membership No. 02/QĐ-SGDVN from Vietnam Exchange.*
- 11/03/2025** Nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11.  
*Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Finance, registered for the 11<sup>th</sup> change.*
- 16/04/2025** Nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh số 88/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
*Received the Certificate of eligibility to provide clearing and settlement services for derivatives transactions No. 15/GCN-UBCK issued by State Securities Commission.*
- 09/09/2025** Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK.  
*Changed the Head office's address under the Amendment License no. 82/GPĐC-UBCK.*
- 09/09/2025** Thay đổi địa chỉ Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh số 629/QĐ-UBCK.  
*Changed the address of Ha Noi Branch under the Decision amending Decision on approval of branch establishment no. 629/QĐ-UBCK.*
- 29/09/2025** Nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12.  
*Received Enterprise Registration Certificate issued by the Business Registration Division – Ho Chi Minh City Department of Finance, registered for the 12<sup>th</sup> change.*

**18/11/2025** Nhận Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2.  
*Received Branch Registration Certificate issued by the Business Registration and Enterprise Finance Division – Ha Noi Department of Finance, the 2<sup>nd</sup> change.*

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh/ Business lines**

- Môi giới chứng khoán/ *Securities Brokerage*
- Tự doanh chứng khoán/ *Securities Self-trading*
- Tư vấn đầu tư chứng khoán/ *Securities investment advisory*
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán/ *Securities underwriting.*

### **2.2. Địa bàn kinh doanh/ Locations of business: Việt Nam**

Trụ sở chính: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Head office: Floor 18, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13, Functional Area No. 1, 15 Tran Bach Dang Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 2, Tòa nhà Leadvisors Place, 41A Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

*Hanoi Branch: Floor 2, Leadvisors Place, 41A Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Ha Noi, Viet Nam.*

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus**

### **3.1. Mô hình quản trị/ Governance model**

Mô hình quản trị Công ty tổ chức theo mô hình: Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2020.

*SSV's governance model: Owner, Members' Council, Board of Management as prescribed in Article 79 of the Law on Enterprises 2020.*

### **3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure**

#### **Hội đồng thành viên/ Members' Council**

- Hội đồng thành viên gồm ba (03) thành viên theo quyết định bổ nhiệm của Chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều lệ Công ty, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

*The Member's Council consists of three (03) members as appointed by the Owner. According to the provisions of the Company Charter, the term of the member of the Members' Council is five (05) years and can be re-elected for an unlimited number of terms.has no term limit.*

- Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao bởi Chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

*Members' Council shall be responsible before the law and the Company's Owner for the performance of the delegated rights and duties assigned by the Owner, as stipulated in the Company's Charter and provisions of the law.*

#### Ban Tổng Giám đốc/ Board of Management

- Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc.

*Board of Management includes General Director and Deputy General Director(s).*

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê.

*Members of Board of Management shall be hired or appointed by the Members' Council.*

- Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*The General Director is the person who manages daily business operations of the Company, is subject to supervision by the Members' Council and is responsible to the Members' Council and before the law for the performance of the delegated rights and obligations.*

### **3.3. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:**

Không/ None.

## **4. Định hướng phát triển/ Development orientations**

### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company**

Trong bối cảnh thị trường tài chính tiếp tục biến động và cạnh tranh gia tăng, Công ty xác định các mục tiêu trọng tâm nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

*In the context of continued market volatility and intensifying competition, the Company has defined key objectives to ensure sustainable growth and enhance long-term competitiveness.*

- **Duy trì tăng trưởng ổn định và bền vững**, không chỉ về quy mô mà còn về chất lượng lợi nhuận, tập trung tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro.

*Maintain stable and sustainable growth not only in scale but also in earnings quality, with a focus on capital efficiency and risk control.*

- **Củng cố và mở rộng mảng kinh doanh bán lẻ**, thông qua việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, phát triển hệ sinh thái sản phẩm toàn diện và gia tăng mức độ gắn kết của khách hàng.

*Strengthen and expand the retail business by enhancing customer experience, developing a comprehensive product ecosystem, and increasing customer engagement.*

- **Đa dạng hóa nguồn thu và cơ cấu doanh thu**, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn thu truyền thống thông qua việc phát triển các sản phẩm mới như Covered Warrants, phái sinh và hoạt động tự doanh.

*Diversify revenue streams and structure by reducing reliance on traditional income sources and expanding into new products such as covered warrants, derivatives, and proprietary trading.*

- **Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp**, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ, phù hợp với các chuẩn mực quản trị hiện đại và yêu cầu của cơ quan quản lý.

*Enhance corporate governance capabilities, particularly in risk management, internal control, and compliance, in line with modern governance standards and regulatory requirements.*

- **Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ**, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu hóa chi phí và tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững.

*Accelerate digital transformation and technology adoption, particularly AI, to improve operational efficiency, optimize costs, and create sustainable competitive advantages.*

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*

SSV định hướng phát triển theo mô hình tăng trưởng bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm và công nghệ làm nền tảng, đồng thời chú trọng xây dựng năng lực nội tại để thích ứng linh hoạt với biến động của thị trường tài chính.

*SSV adopts a sustainable growth model centered on customers and enabled by technology, while strengthening internal capabilities to remain agile in a dynamic financial market.*

##### ❖ **Các trụ cột chiến lược/ *Strategic Pillars:***

- **Củng cố nền tảng vận hành và quản trị:** Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro theo hướng chuẩn hóa và tiệm cận thông lệ quốc tế. Đồng thời, nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng mở rộng của hệ thống nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong tương lai.

*Strengthening operational and governance foundation: The Company will continue enhancing its internal control and risk management systems toward international best practices, while improving operational efficiency and scalability to support future growth.*

- **Phát triển khách hàng và dịch vụ khác biệt:** Công ty tập trung xây dựng hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng, từ khách hàng cá nhân đại chúng đến khách hàng có giá trị tài sản cao. Đồng thời, các chiến lược giữ chân khách hàng và gia tăng giá trị vòng đời khách hàng sẽ tiếp tục được đẩy mạnh.

*Expansion and differentiated services: The Company focuses on developing a comprehensive ecosystem of financial products and services tailored to different client segments, from mass retail to high-net-worth individuals. At the same time, customer retention strategies and lifetime value enhancement will be further strengthened.*

- **Đổi mới công nghệ và chuyển đổi số:** Công ty xác định công nghệ là nền tảng cốt lõi cho tăng trưởng dài hạn, với trọng tâm là phát triển hệ thống giao dịch thế hệ mới và mở rộng ứng dụng AI trong các hoạt động kinh doanh. Các giải pháp AI sẽ được triển khai trong phân tích đầu tư, hỗ trợ khách hàng và tự động hóa quy trình nội bộ.

*Technology innovation and digital transformation: Technology is identified as a core foundation for long-term growth, with a focus on next-generation trading systems and expanded AI applications. AI solutions will be applied in investment analytics, customer support, and internal process automation.*

- **Mở rộng mảng IB và nguồn thu mới:** Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động ngân hàng đầu tư (IB), tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước. Song song đó, các sản phẩm và dịch vụ mới sẽ được phát triển nhằm tạo thêm động lực tăng trưởng.

*Expansion of IB and new revenue streams: The Company will continue expanding its investment banking (IB) activities and strengthening partnerships with domestic and international corporates and institutional investors. In parallel, new products and services will be developed to generate additional growth drivers.*

## 5. Các rủi ro/Risks

### 5.1. Rủi ro thị trường/ Market risk

- Các hoạt động kinh doanh cơ bản của SSV chịu ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, chứng quyền, phái sinh và cho vay giao dịch ký quỹ.

*The core business activities of SSV exposed to market risk include investments in bonds, equities, warrants, derivatives, and margin lending.*

- Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất và giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu so với kế hoạch, thậm chí lỗ trên danh mục đầu tư.

*Revenues from these activities are affected by fluctuations in interest rates and stock prices. They possibly due to market situations, changes in monetary policy and other legal regulations. As interest rates and stock prices fluctuate unexpectedly, our revenue can be lower as planned or even suffer losses on the portfolio.*

- Để giảm thiểu các rủi ro này, SSV luôn duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

*To minimize this risk, SSV always maintain coordinated risk governance closely from following, evaluating, identification, forecasting the market, providing investment strategies to limit, warning system and processing.*

- SSV dụng mô hình quản trị tập trung, Tiểu ban quản trị rủi ro chịu trách nhiệm hỗ trợ Hội đồng thành viên thiết lập chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro toàn hệ thống. Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với kinh doanh, đảm nhận đo lường, giám sát và báo cáo.

*SSV adopts a centralized risk management model, where the Risk Management Committee is responsible for supporting the Members' Council in establishing system-wide risk strategies, policies, and limits. The Risk Management Team operates independently from business units, undertaking risk measurement, monitoring, and reporting.*

- Về công cụ, SSV sử dụng các phương pháp định lượng như Value at Risk (VaR) để ước tính mức tổn thất tiềm năng, phân tích Duration Gap để đo rủi ro lãi suất và mô phỏng thu nhập lãi thuần nhằm đánh giá tác động biến động thị trường. Rủi ro thị trường được theo dõi thường xuyên thông qua hệ thống báo cáo định kỳ.

*In terms of tools, SSV applies quantitative methods such as Value at Risk (VaR) to estimate potential losses, Duration Gap analysis to measure interest rate risk, and net interest income simulations to assess the impact of market fluctuations. Market risk is continuously monitored through a system of periodic reports.*

## 5.2. Rủi ro tín dụng/ *Credit risk*

- Các hoạt động đầu tư tiền của Công ty chứng khoán qua các kênh tiền gửi ngân hàng, cho vay ký quỹ, đầu tư trái phiếu chứa đựng rủi ro tín dụng. Rủi ro này đề cập đến khả năng tổn thất tài chính phát sinh khi các đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình, chẳng hạn như không thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển nhượng tài sản như đã cam kết.

*Business activities of securities companies that may incur credit risk include investment in bank deposits, margin-financing business and investment in bonds. Credit risk refers to the potential financial loss that arises when partners fail to meet their obligations, such as not paying on time or being unable to transfer assets as committed.*

- Hoạt động đầu tư tiền gửi tại ngân hàng thương mại có rủi ro tín dụng thấp hơn cả tuy nhiên vẫn cần có sự lựa chọn đối tác là Ngân hàng thương mại tín nhiệm cao. SSV áp dụng biện pháp đánh giá và chấm điểm tín dụng các Ngân hàng thương mại căn cứ trên báo cáo tài chính, các thông tin về tình hình tài chính và tình hình hoạt động để lựa chọn các đối tác có tín nhiệm cao nhất.

*Investment in banks' deposits has the lowest credit risk but SSV still needs to select partners with high credibility. SSV applies assessment measures and credit scoring for commercial banks based on their financial statements, information about financial status and operational status so that SSV can select partners who have the highest credit rating.*

- Cho vay ký quỹ là hoạt động cho vay có tài sản bảo đảm là danh mục cổ phiếu của khách hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm sút, làm giá trị tài sản bảo đảm giảm xuống nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản bảo đảm theo yêu cầu hoặc khi ép bán, giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn tới việc công ty chứng khoán không thu hồi được hết tiền cho vay. Để giảm thiểu rủi ro này, SSV thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp:

*Margin financing business is a lending activity, in which the Clients' stock portfolio is held as collateral. This activity incurs risks when stock price decline, the market value of the portfolio declined below a certain maintenance level but Clients do not provide additional collaterals or when the Securities Company cannot force the Clients to sell the stocks in a timely fashion. SSV performed a series of coordinated tools such as:*

- + Lập danh mục hỗ trợ thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu, đồng thời các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu.

*Strictly complying with the State Securities Commission's requirements. In addition, the list of stocks held on margin must meet certain risk management standards including liquidity, price volatility and stock evaluation, based on analysis reports covering the financial position of the related companies. List of shares as security assets are revalued monthly to timely updates on the stock volatility, while the isolated cases are evaluated as soon as bad news about shares appear.*

- + Giám sát tình hình dư nợ và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro: ví dụ dư nợ có độ tập trung cao trên một khách hàng, trên một mã cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch.

*Monitoring debt balance and risk ratio daily to timely detect signs of risk: for example, debt balance with high concentration on one client, on one stock code, stocks have extraordinary price volatility, unusual information, unusual transaction movements and suspicious during the session, etc.*

- SSV áp dụng các mô hình định lượng hiện đại dựa trên ba tham số chính: xác suất vỡ nợ (PD), tỷ lệ tổn thất khi vỡ nợ (LGD) và dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD), nhằm tính toán tổn thất kỳ vọng. Quy trình cấp tín dụng được chuẩn hóa, kết hợp xếp hạng tín dụng nội bộ và phân tích tài chính khách hàng.

*SSV applies advanced quantitative models based on three key parameters: Probability of Default (PD), Loss Given Default (LGD), and Exposure at Default (EAD) to calculate expected losses. The credit granting process is standardized, combining internal credit rating systems with customer financial analysis.*

- SSV không áp dụng chính sách đánh đổi tăng trưởng thị phần và dư nợ giao dịch ký quỹ bằng việc mở rộng quá linh hoạt quá mức với danh mục cho vay giao dịch ký quỹ.

*SSV does not pursue market share or margin lending growth by excessively loosening policies for its margin loan portfolio.*

- Ngoài ra, SSV thực hiện giám sát liên tục danh mục cho vay ký quỹ, phân tán rủi ro theo ngành, theo khách hàng. SSV áp dụng nhiều hạn mức khác nhau để kiểm soát rủi ro tín dụng như:

- + Tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ;
- + Hạn mức cho vay tối đa với một mã chứng khoán;
- + Hạn mức cho vay đối đa với một khách hàng;
- + Các giới hạn cảnh báo mức an toàn, gọi ký quỹ bổ sung và ép bán...

*In addition, SSV continuously monitors its margin lending portfolio, diversifying risks across industries and clients. The company applies multiple limits to control credit risk, including:*

- + *Total margin lending limit;*
- + *Maximum lending limit per security;*
- + *Maximum lending limit per client;*
- + *Safety thresholds for warning levels, margin calls, and forced liquidation.*

- Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ độc lập giúp đảm bảo minh bạch, giảm thiểu rủi ro và nâng cao chất lượng tài sản.

*An independent internal control and compliance system ensures transparency, minimizes risks, and enhances asset quality.*

### 5.3. Rủi ro thanh khoản/ *Liquidity risk*

- Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSV mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay giao dịch ký quỹ và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản của họ duy trì tại SSV.

*Liquidity risk occurs is unable to fulfill its obligations to pay due debts, fails to meet the payment needs for securities purchases of investors using margin trading loans, and is late or fails to meet the payment requirements of investors on their accounts maintained at SSV.*

- SSV luôn phải đảm bảo quản lý hoạt động thanh toán của nhà đầu tư được vận hành nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu chi phí. Việc quản lý các khoản đầu tư thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả.

*SSV always ensure payment activities of investors are operated quickly, safely and economically. The management of illiquid investments is required structural balance of equity resources in a reasonable manner, so as not to affect the demand for capital reinvestment when the Company gains efficient investment opportunities.*

- Quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng quản trị rủi ro thanh khoản một cách đặc biệt và phối hợp chặt giữa các phòng ban nghiệp vụ của SSV. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

*This achievement is maintained thanks to a strict cash flow management process, based on the principles of focusing liquidity risk management in a particular way and collaboration between units at SSV. A regular and detailed reporting system is used to update information for operation units.*

- SSV thường xuyên theo dõi dòng tiền vào – ra, phân tích chênh lệch kỳ hạn (maturity gap) và thực hiện stress testing để đánh giá khả năng chịu đựng trong các kịch bản khủng hoảng.

*SSV regularly monitors cash inflows and outflows, analyzes maturity gaps, and conducts stress testing to assess its resilience under crisis scenarios.*

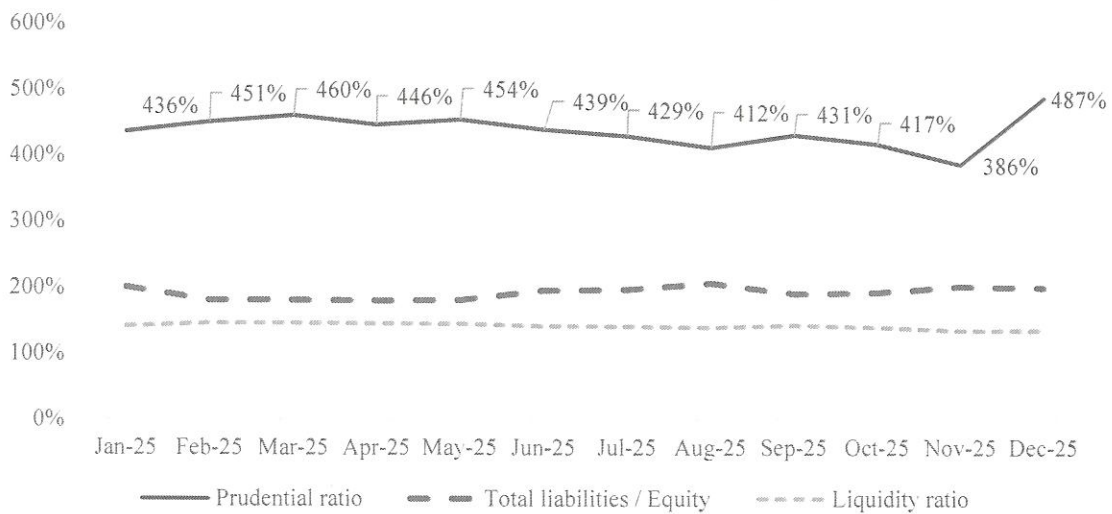
- Ngoài ra, SSV thiết lập kế hoạch dự phòng thanh khoản (Contingency Funding Plan), bao gồm các nguồn huy động thay thế từ việc thanh lý tài sản có thanh khoản cao đến huy động vốn Tập đoàn. SSV đa dạng hóa nguồn vốn huy động và duy trì tài sản có tính thanh khoản cao để giảm thiểu rủi ro thanh khoản.

*In addition, SSV establishes a Contingency Funding Plan, including alternative funding sources ranging from liquidating highly liquid assets to obtaining funding from the Group. SSV also diversifies its funding sources and maintains a high level of liquid assets to minimize liquidity risk.*

- Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với kinh doanh, đảm bảo giám sát chặt chẽ và báo cáo định kỳ. Nhờ đó, Shinhan kiểm soát hiệu quả rủi ro thanh khoản và duy trì sự ổn định tài chính trong mọi điều kiện thị trường. Năm 2025 tiếp tục là năm SSV đạt an toàn tuyệt đối về quản lý thanh khoản, Công ty không phát sinh bất kỳ rủi ro nào do thiếu thanh khoản. Tỷ lệ vốn khả dụng luôn duy trì mở mức hợp lý và cao hơn so với mức quy định của UBCKNN. Trong năm 2025, các chỉ số đo lường rủi ro thanh khoản khác như tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và tỷ số thanh toán nhanh cũng ở mức an toàn, không có trường hợp vi phạm ngưỡng tối đa theo quy định nội bộ và quy định của Bộ tài chính.

The Risk Management Team operates independently from business units, ensuring close supervision and periodic reporting. As a result, Shinhan effectively controls liquidity risk and maintains financial stability under all market conditions. In 2025, SSV continued to achieve a strong level of safety in liquidity management, with no incidents arising from liquidity shortages. The capital adequacy ratio was consistently maintained at a reasonable level, exceeding the requirements set by the State Securities Commission (SSC). During 2025, other liquidity risk indicators, such as the debt-to-equity ratio and quick ratio, remained within safe levels, with no breaches of internal limits or Ministry of Finance regulations.

Hình: Các chỉ số theo dõi rủi ro thanh khoản 2025 của SSV  
 Figure: SSV's liquidity risk monitoring indicators in 2025



**5.4. Rủi ro hoạt động/Operation risk**

- Để kiểm soát rủi ro hoạt động trong một mức độ nhất định, một loạt các hệ thống hoạt động kinh doanh bao gồm Xác định rủi ro, Đo lường rủi ro, Kiểm soát rủi ro, Giám sát rủi ro, Báo cáo rủi ro sẽ được hình thành.

*In order to control operation risk within a certain level, a series of business activity system comprising risk identification, risk measurement, risk control, risk monitoring, risk reporting shall be constructed.*

- SSV áp dụng các công cụ quản trị rủi ro hoạt động chính bao gồm hệ thống thu thập dữ liệu tổn thất nội bộ, đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA), cùng với các chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI) để theo dõi mức độ rủi ro theo thời gian. SSV cũng thực hiện phân tích kịch bản nhằm dự báo các sự kiện rủi ro nghiêm trọng và xây dựng biện pháp phòng ngừa phù hợp.

*SSV applies key operational risk management tools, including an internal loss data collection system, Risk and Control Self-Assessment (RCSA), and Key Risk Indicators (KRI) to monitor risk levels over time. SSV also conducts scenario analysis to anticipate severe risk events and develop appropriate preventive measures.*

- SSV tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ và phân tách nhiệm vụ rõ ràng nhằm hạn chế sai sót và gian lận. SSV ứng dụng công nghệ giúp tự động hóa quy trình, giảm phụ thuộc vào con người và nâng cao độ chính xác.

*SSV strengthens its internal control system and clearly segregates duties to minimize errors and fraud. SSV also leverages technology to automate processes, reduce reliance on human intervention, and enhance accuracy.*

### 5.5. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin/ *System risk and information security*

- SSV tập trung vào phát triển hệ thống tự động phát hiện, thông báo các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, đồng thời cũng thiết lập lại tính sẵn sàng đáp ứng của hệ thống với phương pháp tiếp cận linh hoạt. Các hành động tức thời được đưa ra để ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh lỗi.

*SSV utilize the automatic alert on any potential risks in these systems. SSV also restructured the availability of our spare capacity into dynamic approach. Immediate actions can be taken to eliminate the risks before issue happening.*

- Liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin, SSV kiểm tra toàn bộ hệ thống hạ tầng để đảm bảo không có điểm mờ nào trong hệ thống bảo vệ có thể bị xâm nhập. Việc đánh giá hệ thống hàng năm được thực hiện bởi một đơn vị uy tín để đảm bảo các hệ thống có kết nối với bên ngoài được an toàn trước các cuộc tấn công mạng.

*Regarding information security, SSV reviewed the entire infrastructure to ensure no blink spot in our facilities protection for intrusion. Regular yearly vulnerability scanning has been done by certified third party to ensure all our external connected facilities being safe from cyber-attacks.*

- Các quy định và quy trình của bộ phận phụ trách công nghệ thông tin đã được rà soát và cải tiến. Việc này nhằm siết chặt quản lý trong nội bộ nói chung cùng với các quy định và quy tắc cần tuân thủ.

*ICT policies and procedure must be reviewed and refined. This further tightens the control within ICT-in-charge units with proper monitoring of discipline and code of conduct among technical staff.*

- Liên quan tới tường lửa, thường xuyên cập nhật chính sách tường lửa cụ thể là: hạn chế tải tập tin từ môi trường internet, cập nhật bản vá cho các tường lửa, cập nhật phần mềm Cybereason và sao lưu dữ liệu database offline.

*Regarding firewalls, regularly update firewall policies, specifically: restricting file downloads from the internet environment, updating patches for firewalls, updating Cybereason software and backing up offline database data.*

- Liên quan tới bảo mật thông tin nhà đầu tư, SSV xây dựng hệ thống mạng nội bộ an toàn:

*Regarding investor information security, SSV builds a secure internal network system:*

- + Trang bị hệ thống tường lửa cho các phân vùng mạng riêng trong SSV;

*Equip a firewall system for private network partitions in SSV;*

- + Cài đặt phần mềm phòng chống virus cho các máy trạm;

*Install anti-virus software for workstations;*

- + Có quy trình bảo mật thông tin;

*There is an information security process;*

- + Có nhân viên chuyên trách có kiến thức về bảo mật an ninh mạng.

*There are specialized staff with knowledge of network security.*

- Liên quan tới quản lý dữ liệu khách hàng, SSV đã thực hiện:

*Regarding customer data management, SSV has implemented:*

- + Mã hóa HTTPS để bảo vệ lưu lượng truy cập internet;

*HTTPS encryption to protect internet traffic;*

- + Lưu trữ và phân quyền truy cập dữ liệu khách hàng trên hệ thống, đảm bảo không có một phòng ban nào có thể truy cập vào toàn bộ dữ liệu thông tin khách hàng;

*Store and decentralize access to customer data on the system, ensuring that no one can access all customer information data;*

- + Dữ liệu được mã hóa khi trao đổi với đối tác;

*Data is encrypted when exchanged with partners;*

- + Dữ liệu của khách hàng được backup thường xuyên.

*Customer data is backed up regularly.*

- Trong năm 2025, SSV thành công trong phát hiện và phòng chống xâm nhập, bảo vệ tài sản số và duy trì niềm tin của khách hàng trong môi trường số hóa. Các cuộc kiểm thử xâm nhập (penetration testing) và đánh giá lỗ hổng được thực hiện định kỳ nhằm phát hiện và khắc phục điểm yếu trong hệ thống. SSV cũng chú trọng đào tạo nhân viên về nhận thức an ninh mạng, giảm thiểu rủi ro từ yếu tố con người. Liên quan tới phương án xử lý khi xảy ra sự cố bảo mật, SSV có quy trình về ứng phó sự cố an toàn bảo mật, quy trình khôi phục hệ thống và đảm bảo tính liên tục kinh doanh.

*In 2025, SSV successfully detected and prevented intrusions, safeguarded digital assets, and maintained customer trust in a digitalized environment. Penetration testing and vulnerability assessments were conducted periodically to identify and remediate system weaknesses. SSV also places strong emphasis on employee cybersecurity awareness training to minimize human-related risks. Regarding incident response, SSV has established procedures for information security incident handling, system recovery, and ensuring business continuity.*

#### **5.6. Rủi ro tuân thủ/ Compliance risk**

- Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty, vi phạm các Quy định nội bộ, Quy trình nghiệp vụ, Quy chế, kể cả các Quy định về đạo đức nghề nghiệp.

*Compliance risk is the risk that the Company has to face in case the Company or its employees violate or fail to comply with the provisions of law, as stipulated in the company Charter, violate internal business processes and rules, including the rules of professional ethics.*

- Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của SSV. Một số biện pháp được Công ty thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

*Preventing and minimizing compliance risk is considered an important work for the Company. Some measures implemented to prevent compliance risks include:*

- + Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận: các quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra;

*Design process and operating system that can cross-examine between employees and business units: The business processes and operational apparatus is designed with the purpose of cross-checking to strengthen inspection and supervision, limiting abuses and detect violations that can occur;*

- + Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên: Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình;

*Raising awareness of compliance: Training focuses on compliance. Newly recruited staff must be trained and disseminated on procedures and general rules and regulations specifically related to their work;*

- + Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;

*Set up test systems and internal monitoring;*

- + Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

*Apply strict punishment with violations of the provisions of the Company.*

- Trong năm 2025 bối cảnh số hóa mạnh mẽ, rủi ro liên quan đến rò rỉ dữ liệu, tấn công mạng hoặc sử dụng thông tin sai mục đích ngày càng gia tăng, đòi hỏi hệ thống kiểm soát chặt chẽ. SSV đã áp dụng các chính sách bảo mật dữ liệu nghiêm ngặt, bao gồm phân quyền truy cập, mã hóa thông tin và giám sát hệ thống nhằm ngăn chặn truy cập trái phép. Đồng thời, quy trình xử lý dữ liệu cá nhân được chuẩn hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật. Ngoài ra, SSV thường xuyên thực hiện đánh giá rủi ro, kiểm tra hệ thống và diễn tập ứng phó sự cố để nâng cao khả năng phát hiện và xử lý khi có vi phạm xảy ra. Nhân viên được đào tạo định kỳ về bảo mật thông tin và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhằm giảm thiểu rủi ro từ yếu tố con người. SSV hợp tác với các đối tác công nghệ uy tín giúp nâng cao năng lực bảo mật. Nhờ cách tiếp cận toàn diện, chủ động và tuân thủ nghiêm ngặt, SSV bảo vệ hiệu quả dữ liệu cá nhân, củng cố niềm tin khách hàng và duy trì uy tín trên thị trường.

*In 2025, amid rapid digitalization, risks related to data leakage, cyberattacks, and misuse of information have been increasing, requiring robust control systems. SSV has implemented strict data security policies, including access control, data encryption, and system monitoring to prevent unauthorized access. At the same time, personal data processing procedures have been standardized to ensure compliance with legal regulations. In addition, SSV regularly conducts risk assessments, system audits, and incident response drills to enhance its ability to detect and handle potential breaches. Employees receive periodic training on information security and responsibilities for protecting personal data, thereby minimizing human-related risks. SSV also collaborates with reputable technology partners to strengthen its security capabilities. Through a comprehensive, proactive, and strictly compliant approach, SSV effectively safeguards personal data, reinforces customer trust, and maintains its reputation in the market.*

### 5.7. Rủi ro danh tiếng/ *Reputational risk*

- Rủi ro danh tiếng chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty.

*Reputation risks are the losses and damages of value due to changes in the Clients' perception of the Company. These changes can affect the demand for products and services, as well as the general operations of the company.*

- SSV triển khai quản trị rủi ro danh tiếng theo hướng tích hợp trong chính sách quản trị rủi ro tổng thể, với sự giám sát của Ban lãnh đạo và Tiểu ban quản trị rủi ro. SSV thiết lập và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh thương hiệu. Đồng thời, hệ thống tiếp nhận và xử lý khiếu nại khách hàng được vận hành hiệu quả để giảm thiểu rủi ro lan rộng.

*SSV implements reputation risk management as an integral part of its overall risk management framework, under the supervision of the Board of Management and the Risk Management Committee. The company establishes and adheres to business ethics standards, codes of conduct, and internal control mechanisms to prevent behaviors that could negatively impact its brand image. At the same time, an effective customer complaint handling system is in place to minimize the spread of potential risks.*

- Danh tiếng không chỉ đến từ các hình ảnh, thông tin của SSV trên các kênh truyền thông bên ngoài cũng như nội bộ, mà chính là các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSV và khách hàng. SSV chú trọng quản lý truyền thông và quan hệ công chúng, theo dõi dư luận trên các nền tảng số để kịp thời phản ứng với thông tin bất lợi.

*Reputation is shaped not only by SSV's presence and information across external and internal communication channels, but also by its products, services, and even the smallest interactions between SSV representatives and customers. SSV places strong emphasis on communications and public relations management, as well as monitoring public sentiment on digital platforms to promptly respond to unfavorable information.*

- Khi có thông tin không chính xác về SSV được đưa ra công luận, SSV cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp cùng công luận, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc.

*When incorrect information about SSV is published, SSV always adhere to transparency to handle: ready to talk directly with the public, give the authentic and reliable information to solve incidents.*

- SSV đang xây dựng quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSV trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSV đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch.

*SSV is building process of correcting false information about the company on public media with specific regulations stipulating that all SSV's employees have the responsibility to inform the company once false information occurs.*

### 5.8. Rủi ro quản trị nguồn nhân lực/ *Human resources risk*

- Nguồn nhân lực là tài sản quý nhất, là nhân tố tạo ra giá trị khác biệt của Công ty, SSV tiếp tục chú trọng việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

*Human resources is a factor creating differentiated value for the company, SSV continue to focus on developing fundamental and comprehensive policy and human resources management operation.*

- SSV xác định mình là một tổ chức thu hút và nuôi dưỡng nhân tài, sẵn sàng trao cơ hội để học, làm và cống hiến.

*SSV define ourselves as an organization which attracts and nurtures talents. SSV ready to give them opportunities to learn, work and dedicate.*

- SSV áp dụng quy trình tuyển dụng chặt chẽ, kết hợp đánh giá năng lực và đạo đức nghề nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro từ đầu vào. Đồng thời, chương trình đào tạo và phát triển được triển khai thường xuyên để nâng cao kỹ năng và ý thức tuân thủ của nhân viên.

*SSV applies a rigorous recruitment process, combining assessments of professional competence and ethics to minimize input risks. At the same time, training and development programs are regularly implemented to enhance employees' skills and compliance awareness.*

- Ngoài ra, SSV thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế phân tách nhiệm vụ rõ ràng nhằm hạn chế gian lận và xung đột lợi ích. Chính sách đãi ngộ cạnh tranh và môi trường làm việc minh bạch giúp giữ chân nhân tài và giảm thiểu rủi ro biến động nhân sự. SSV cũng chú trọng quản lý văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy giá trị đạo đức và trách nhiệm.

*In addition, SSV establishes a robust internal control system and clear segregation of duties to mitigate fraud and conflicts of interest. Competitive compensation policies and a transparent working environment help retain talent and reduce workforce volatility risks. SSV also places strong emphasis on corporate culture management, promoting ethical values and a sense of responsibility.*

### 5.9. Rủi ro pháp lý/ *Legal risk*

- Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình tuân thủ pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo, từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty.

*Legal risks for the Company occur during the observance of the law by changing regulations, non-compliance with regulations or when disputes arise among related parties in the course of everyday activities.*

- Nhằm hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSV sử dụng Luật sư của Công ty cũng như dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết. Việc chuẩn hóa hợp đồng và tài liệu pháp lý giúp giảm thiểu sai sót và tăng tính minh bạch.

*To mitigate risks arising from changes in laws or compliance requirements, SSV engages the Company's legal counsel as well as external legal advisory services when necessary. The standardization of contracts and legal documentation helps minimize errors and enhance transparency.*

- Bộ phận Pháp chế và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp.

*Legal Team and the consultants are responsible for updating the changes in legal documents to the Board of Management and related parties; SSV studies in detail both the impact of new legislation and draft proposals, and prepares the Company for operational observance.*

- Đồng thời, bộ phận Pháp chế cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp khả thi.

*At the same time, the Legal Team is also responsible for constructing public opinions on legal drafts related to the activities of the Company, participating in workshops, collaborating with members of professional associations and other groups for comments regarding legislative program, summing up the problems arising from the application of the existing rules, reporting to the competent State authorities and proposing possible solutions for those problems.*

- Các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty thường xuyên được rà soát để chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

*Procedures and internal regulations of the Company are reviewed regularly and updated according to changes in the law.*

- Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban lãnh đạo, nhân viên Công ty thực hiện trong năm 2025 và cam kết tiếp tục thực hiện nghiêm túc trong năm 2026.

*Compliance with laws and regulations is one of the key principles in the Company's Code of Ethics, strictly observed by all members of the Board of Management and employees in 2025, with a continued commitment to uphold it in 2026.*

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/ OPERATIONS IN THE YEAR

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh/ Situation of business operations

#### 1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year

- Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, bất chấp những biến động của thị trường. Chiến lược tập trung vào khách hàng cá nhân, đa dạng hóa sản phẩm và đầu tư vào nền tảng số đã mang lại kết quả tích cực trên nhiều chỉ tiêu tài chính.

*In 2025, the Company maintained stable growth momentum despite market fluctuations. A strategic focus on individual clients, product diversification, and investment in digital infrastructure resulted in positive outcomes across key financial indicators.*

- Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đã ghi nhận:

*As on December 31, 2025, the Company recorded:*

- + Doanh thu hoạt động là 667.190.820.700 đồng, tăng 57.352.923.788 đồng so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương tăng 9%).

*Revenue was VND 667.190.820.700, increased VND 57.352.923.788 compared to year 2024 (an increase of 9%).*

- + Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 164.630.602.186 đồng, giảm 4.065.543.994 đồng so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương giảm 2%).

*Profit before tax achieved VND 164.630.602.186, decreased VND 4.065.543.994 over the year 2024 (a decreased of 2%).*

## **1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation progress to the plan**

- Doanh thu trong năm 2025 tăng 57.352.923.788 đồng (tương đương tăng 9%) chủ yếu đến từ: lãi các tài sản tài chính (FVTPL) và lãi từ cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán.

*Revenue in 2025 increased by VND 57,352,923,788 (equivalent to a 9% increase), mainly driven by gains on financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL) and interest income from margin lending services and advances on securities sales proceeds.*

- Chi phí hoạt động trong năm 2025 tăng 46.380.953.702 đồng so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương tăng 12%) là do Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới, hoạt động giao dịch ký quỹ dẫn đến những chi phí liên quan tương ứng như chi phí lãi vay, chi phí cho hoạt động môi giới cũng tăng theo.

*Operating expenses in 2025 increased significantly by VND 46.380.953.702 over 2024 (an increase of 12%) because the company invested more on brokerage activities, margin trading activities compared to last year leading to corresponding related expenses such as interest expenses, brokerage costs also increased accordingly.*

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 tăng 13.009.627.885 đồng so với năm 2024 do trong năm 2025, chi phí lương cho nhân viên tăng, số lượng nhân viên tăng và chi phí cho việc thuê văn phòng và mua sắm trang thiết bị mới cho văn phòng.

*Business administration expenses increased VND 13.009.627.885 compared to last year in line with the increase in number of employees, salary as well as costs for renting office space and purchasing new equipment for the office.*

**2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource**
**2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc/List of the Board of Management**

STT No.	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Thời gian đảm nhiệm <i>Appointment</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Han Bokhee	11/11/1974	Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	14/08/2020 – nay <i>August 14, 2020 – now</i>	Thạc sĩ <i>MBA</i>
2	Yang Seungwon	18/12/1977	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	28/04/2022 – nay <i>April 28, 2022 – now</i>	Cử nhân <i>Bachelor</i>

**Kế toán trưởng/ Chief Accountant**

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Thời gian đảm nhiệm <i>Appointment</i>	Ghi chú <i>Note</i>
Nguyễn Thị Huệ Hương	16/04/1987	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	08/03/2021 – nay <i>March 08, 2021 – now</i>	Cử nhân <i>Bachelor</i>

**2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc/Changes in the Board of Management**

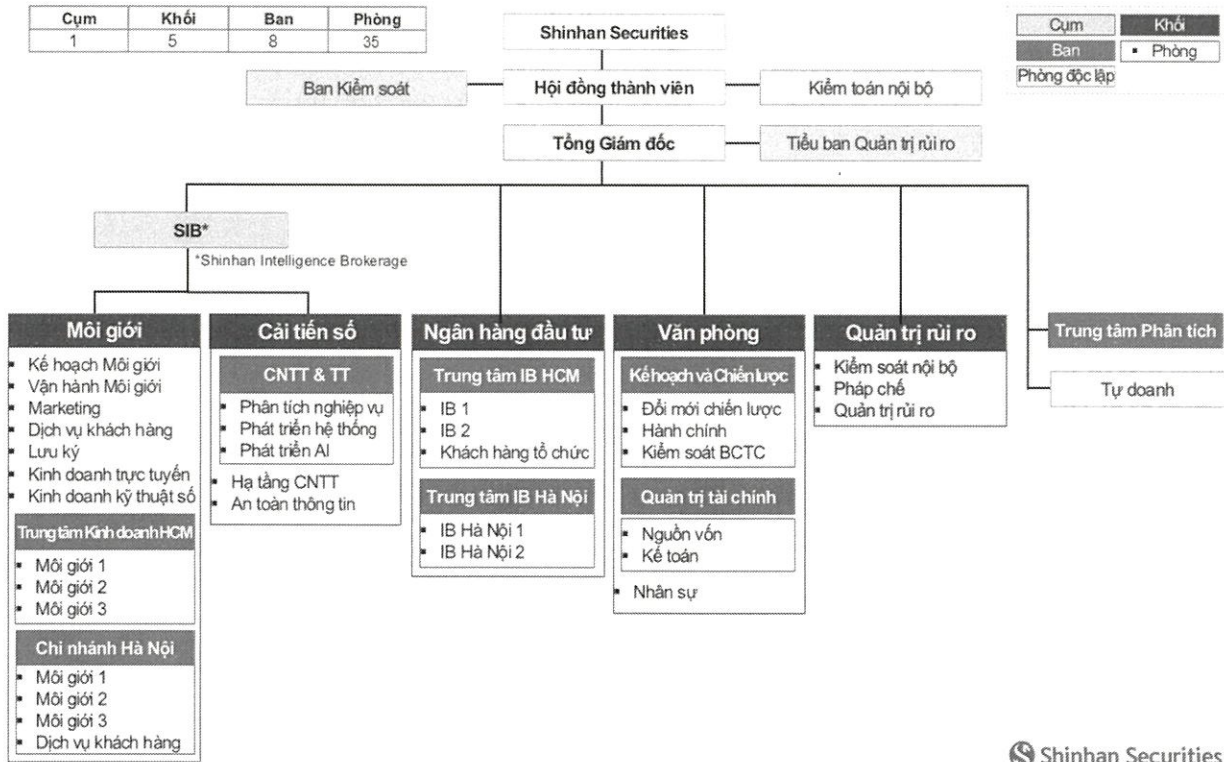
Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of appointment/dismissal</i>
Han Bokhee	11/11/1974	Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>	Thạc sĩ <i>MBA</i>	Tái bổ nhiệm: <i>Re-appointment:</i> 14/08/2025

**2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the HR policies**

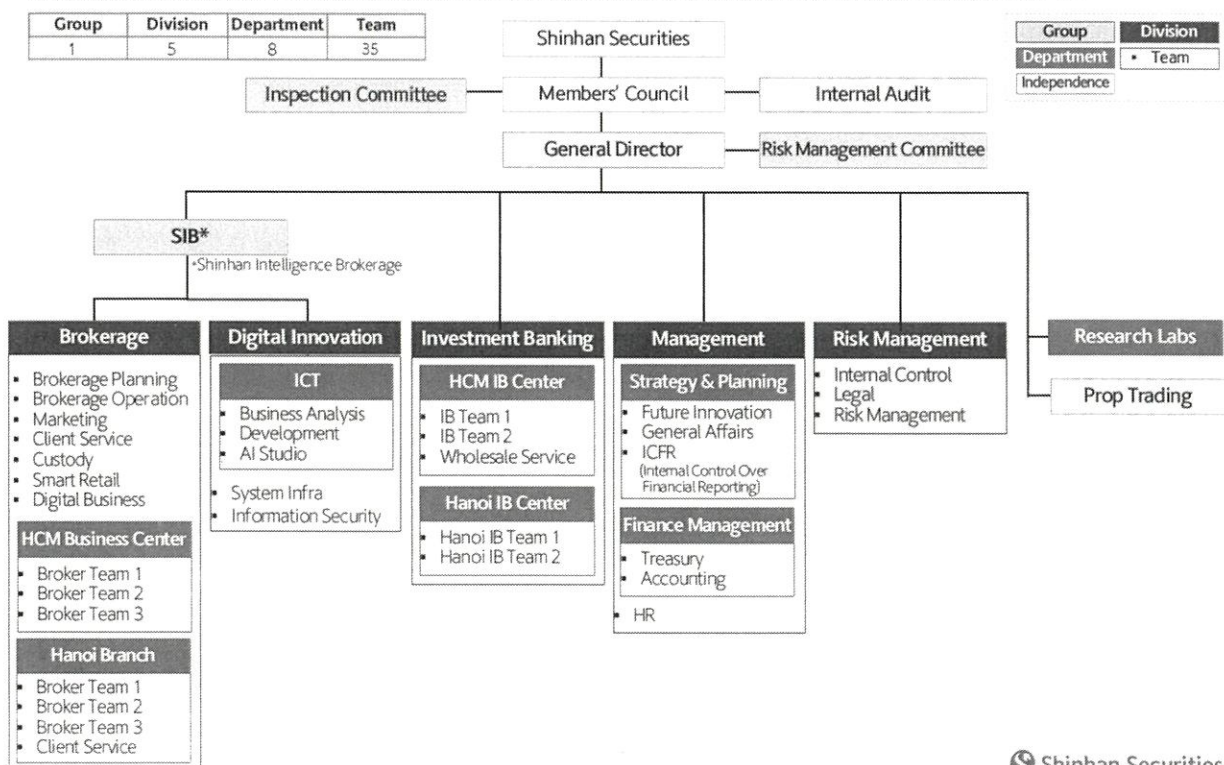
- Số lượng cán bộ, nhân viên SSV tính đến cuối năm 2025: 141 người  
*Number of staffs as on 31 December, 2025: 141 employees.*
- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.  
*Policies for employees at SSV are implemented in compliance with current law.*

- Cơ cấu tổ chức nhân sự trong năm 2025  
*Personnel organization in the year 2025*

## CƠ CẤU TỔ CHỨC MỚI



## New Organization



### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn/ Major investments

Các khoản đầu tư lớn: tại ngày 31/12/2025 Công ty có khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng (1.727.932.590.318 VNĐ), chứng chỉ tiền gửi (370.000.000.000 VNĐ) và trái phiếu (707.700.000.000 VNĐ).

*Major investments: on December 31<sup>st</sup> 2025, the Company has term deposits at the bank (VND 1.727.932.590.318), certificates of deposit (VND 370.000.000.000) and bonds (VND 707.700.000.000).*

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Không/ None.

### 4. Tình hình tài chính/ Financial situation

#### 4.1. Tình hình tài chính/ Financial situation

ĐVT/ Unit: VND

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2024	Năm/ Year 2025	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản <i>Total asset</i>	7.382.835.363.315	7.602.372.586.585	3%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	609.837.896.912	667.190.820.700	9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Profit from business activities</i>	168.696.146.180	164.630.602.186	-2%
Lợi nhuận khác <i>Other profits</i>	(1.822.704.122)	(442.317.965)	-76%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	168.696.146.180	164.630.602.186	-2%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	134.838.027.070	131.361.435.400	-3%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators

ĐVT/ Unit: Lần/ Time

Chỉ tiêu/ Indicators	2024	2025	Ghi chú Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset/Short term debt</i>	1.4	1.4	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ Capital Structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	0.67	0.67	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owner's Equity ratio</i> )	2.07	2.00	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operation Capability Ratio</i>			
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover:</i> Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân <i>Net revenue/Average total assets</i>	0.09	0.09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability:</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>Profit after tax/Net revenue ratio</i>	0.22	0.20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>Profit after tax/Total capital ratio</i>	0.06	0.05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>Profit after tax/Total assets ratio</i>	0.02	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Profit from business activities/Net revenue ratio</i>	0.28	0.25	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity

#### 5.1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu/ Shareholders structure

STT No.	Tên tổ chức <i>Name</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Số vốn góp <i>Contributed capital (VND)</i>	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ/ <i>Ratio</i>
1	Shinhan Securities Co., Ltd.	Hàn Quốc/ <i>Korean</i>	1.912.600.000.000	100%

#### 5.2. Tình hình thay đổi vốn điều lệ/ *Change of charter capital*

Ngày/ <i>Date</i>	Vốn điều lệ/ <i>Charter capital (VND)</i>	Số giấy phép/ <i>License No.</i>
04/02/2016	146.000.000.000	123/GP-UBCK
27/12/2017	812.600.000.000	62/GPĐC-UBCK
27/12/2021	1.912.600.000.000	124/GPĐC-UBCK

#### 5.3. Khác/ *Others*

Các chứng quyền có bảo đảm SSV đã phát hành trong năm 2025:

*Covered warrants issued by SSV in 2025:*

STT No.	Mã chứng quyền <i>CW code</i>	Chứng khoán cơ sở <i>Underlying securities</i>	Ngày phát hành <i>Issued date</i>	Ngày đáo hạn <i>Maturity date</i>	Số lượng chào bán <i>Issued quantity</i>
1	CVPB2506	VPB	05/02/2025	06/10/2025	6.000.000
2	CSHB2506	SHB	11/06/2025	11/12/2025	2.000.000
3	CSTB2518	STB	11/06/2025	11/12/2025	2.000.000
4	CHPG2521	HPG	11/06/2025	11/12/2025	2.000.000

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company***

### **6.1. Năng lượng và nước/ *Energy and Water***

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của SSV không gây tác động trực tiếp đến môi trường. Tuy nhiên, chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát sử dụng tiết kiệm điện và nước, luôn tuân thủ quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của Ban Quản lý tòa nhà.

*As an enterprise operating in the field of finance and securities, SSV's activities do not have a direct impact on the environment. However, we always try to control and save electricity and water, strictly comply with the regulations on waste classification and wastewater treatment of the Building Management.*

### **6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:***

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.  
*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.: None.*

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: None.*

### **6.3. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees***

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

*Number of employees, average wages of workers:*

Tính đến ngày 31/12/2025, số nhân viên tại Công ty là 141 người với mức lương trung bình là 36,631,356 đồng/người lao động/tháng.

*As of December 31, 2025, the number of employees at the Company is 141 employees; average wages of worker is VND 36,631,356 employee/month.*

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:*

- + Nhân viên làm tại Công ty được hưởng đầy đủ các chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

*Employee working at the Company have all right and benefit according law to ensure health, safety and welfare.*

- + Ngoài ra, Công ty còn áp dụng nhiều chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ chức sinh nhật, tặng quà cho nhân viên vào các ngày lễ 8/3, 20/10, 19/11, ~~giáng sinh~~, Tết ~~đương~~ Tết (đương), bảo hiểm sức khỏe, chế độ cưới hỏi, thai sản,... Tổng số ngày nghỉ phép là 17 ngày (bao gồm 01 ngày nghỉ sinh nhật). Bên cạnh đó, Công ty cũng có giải thưởng cho nhân viên xuất sắc và các chính sách ưu đãi cho nhân viên.

*The Company also has welfare policies for employees such as birthday party and gifts for employees on holidays (8/3, 20/10, New Year), health insurance, wedding, maternity etc., annual leave per year is 17 days (including 01 day off for birthday), reward to the best employees, apply the special policy/ product to employee, etc.*

- Hoạt động đào tạo người lao động

*Employee training:*

Công ty luôn chú trọng phát triển con người thông qua các hoạt động đào tạo và học tập liên tục, nhằm hỗ trợ người lao động nâng cao năng lực, thích ứng với các yêu cầu công việc và phát triển sự nghiệp bền vững.

*The Company always prioritizes human development through continuous training and learning activities, aiming to support employees in enhancing their skills, adapting to job requirements, and developing sustainable careers.*

- + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: khoảng 5 giờ/người/năm, áp dụng theo nhóm và vị trí công việc.

*Average training hours per year: approximately 5 hours/person/year, applied according to group and job position.*

- + Bên cạnh đó, Công ty triển khai các chương trình đào tạo và phát triển kỹ năng, bao gồm kỹ năng nghiệp vụ, công nghệ thông tin, phòng chống rửa tiền... Qua đó, người lao động được tạo điều kiện học hỏi, hoàn thiện chuyên môn và phát huy tối đa tiềm năng của bản thân.

*In addition, the Company implements training and skills development programs, including professional skills, information technology, anti-money laundering, etc. Through these programs, employees are given opportunities to learn, improve their expertise, and maximize their potential.*

**6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/Report on responsibility for local community**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Công ty đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đóng góp cho cộng đồng, bao gồm tổ chức các chương trình từ thiện, đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động hiến máu tình nguyện và các chương trình thiện nguyện do các công ty trong Tập đoàn phát động.

*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service:*

- *The Company has implemented various initiatives to contribute to the community, including organizing charitable programs, as well as actively participating in voluntary blood donation drives and other charity initiatives launched by affiliated companies within the Group.*

**6.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC**

Không tham gia thị trường vốn xanh.

*Not participating in green capital market.*

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ *REPORTS AND ASSESSMENTS OF THE BOARD OF MANAGEMENT***
**1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh/ *Assessment of operating results***
**1.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ *Business Result***

ĐVT/Unit: VND

Các chỉ tiêu/ <i>Items</i>	2025	2024	Tăng/Giảm <i>Increase/Decrease</i>	
			Giá trị/ <i>Value</i>	% chênh lệch <i>% variance</i>
I. Doanh thu hoạt động <i>Revenue</i>	667.190.820.700	609.837.896.912	57.352.923.788	9%
II. Chi phí hoạt động <i>Operating expense</i>	417.912.859.624	371.531.905.922	46.380.953.702	12%
III. Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	1.266.372.363	801.213.010	465.159.353	58%
IV. Chi phí tài chính <i>Financial expense</i>	4.492.759.651	619.327.946	3.873.431.705	N/A
VI. Chi phí quản lý <i>General and administration expense</i>	80.978.653.637	67.969.025.752	13.009.627.885	19%
VII. Kết quả hoạt động <i>Operating result</i>	165.072.920.151	170.518.850.302	(5.445.930.151)	-3%
VIII. Thu nhập khác và chi phí khác <i>Other income and expense</i>	(442.317.965)	(1.822.704.122)	1.380.386.157	N/A
IX. Tổng lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	164.630.602.186	168.696.146.180	(4.065.543.994)	-2%
X. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) <i>Corporate income tax</i>	33.269.166.786	33.858.119.110	(588.952.324)	-2%
XI. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN <i>Profit after tax</i>	<b>131.361.435.400</b>	<b>134.838.027.070</b>	<b>(3.476.591.670)</b>	<b>-3%</b>

**1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được/ *The Company's achievements***

Trong năm qua, Công ty đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên cả phương diện tài chính và vận hành, phản ánh hiệu quả của chiến lược phát triển đã đề ra.

*During the year, the Company achieved positive results both financially and operationally, reflecting the effectiveness of its strategic direction.*

- **Duy trì tăng trưởng ổn định:** với các chỉ tiêu tài chính chính như doanh thu, lợi nhuận và quy mô tài sản tiếp tục cải thiện.

*Maintained stable growth, with key financial indicators such as revenue, profit, and total assets showing continuous improvement*

- **Mảng bán lẻ tiếp tục phát triển mạnh,** trở thành trụ cột đóng góp chính vào tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

*The retail segment continued to grow strongly, becoming the primary contributor to overall revenue and profit.*

- **Triển khai thành công các sản phẩm mới,** đặc biệt là Covered Warrants và nền tảng phái sinh, qua đó mở rộng danh mục sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh.

*Successfully launched new products, particularly Covered Warrants and derivatives, expanding the product portfolio and enhancing competitiveness.*

- **Đẩy mạnh chuyển đổi số,** thông qua việc nâng cấp hệ thống giao dịch, tích hợp các công cụ công nghệ và từng bước áp dụng AI trong vận hành.

*Accelerated digital transformation by upgrading trading systems, integrating technology tools, and gradually adopting AI in operations.*

- **Mở rộng mạng lưới khách hàng và đối tác,** đặc biệt trong mảng khách hàng tổ chức và hoạt động IB.

*Expanded client and partner networks, particularly in institutional and IB segments.*

## 2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

### 2.1. Tình hình tài sản/ Assets

- Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 7.602.372.586.585 đồng, tăng 3% so với năm 2024 do trong năm Công ty đẩy mạnh mảng kinh doanh bán lẻ bằng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, doanh thu và lợi nhuận trong kỳ theo đó gia tăng. Cơ cấu tài sản chủ yếu tập trung ở tài sản tài chính 98,6% và tài sản cố định chiếm 0,7%, các tài sản khác chỉ chiếm 0,7%.

*Total assets of the company as at December 31, 2025 was VND 7.602.372.586.585, increased 3% compared to 2024 because the company promoted margin activities, profit therefore increased through out the year as a result. The structure of assets mainly remains as financial assets accounted for 98.6%, the fixed assets accounted for 0.7%, other assets only accounted for 0.7%.*

- Cơ cấu nguồn vốn gồm vốn chủ sở hữu chiếm 33.38%. Nợ phải trả khác chiếm 66.62%.

*Capital structure includes shareholder's equity which accounted for 33.38% and liabilities accounted for 66.62%.*

### 2.2. Tình hình nợ phải trả/ Debt payable

Cuối năm 2025, Công ty có dư nợ vay ngắn hạn: 5.021.878.000.000 đồng.

*At the end of 2025, the Company had short-term loans: VND 5.021.878.000.000.*

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management

Công ty đã thực hiện nhiều cải tiến quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo hoạt động ổn định, tuân thủ.

*The Company implemented significant improvements to enhance governance effectiveness and ensure stable and compliant operations.*

#### - **Cấu trúc lại các phòng ban, bộ phận của công ty theo đúng chiến lược của Công ty:**

**Restructuring of Company organization according to corporate strategy:**

- + Cơ cấu tổ chức mới của công ty được phân tách rõ ràng giữa các Khối Môi giới, Khối Quản trị rủi ro. Việc thiết lập lại cơ cấu tổ chức giúp phân định rõ trách nhiệm của các phòng ban trong nội bộ, nâng cao năng lực kiểm soát và quản trị rủi ro đối với hoạt động của Công ty.

***New Organizational Structure:** The company's new organizational framework clearly separates the Brokerage Division and Risk Management Division. This restructuring helps define responsibilities within departments, enhances control capabilities, and strengthens risk management across company activities.*

- Ứng dụng AI trong hoạt động vận hành và hỗ trợ khách hàng giao dịch là xu thế chung của thị trường và SSV không đứng ngoài xu thế này. Tuy nhiên, để đảm bảo toàn bộ dữ liệu của Công ty, Khách hàng được an toàn, đồng thời đáp ứng quy định về Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Công ty chú trọng vào phát triển hệ thống, xây dựng các lớp bảo vệ và quy trình rõ ràng. Do vậy, sự xuất hiện của Phòng AI & Dữ liệu và Phòng An toàn thông tin là điểm nổi bật trong đợt tái cơ cấu này của Công ty.

***Application of AI:** The use of AI in operations and customer transaction support is a market-wide trend, and SSV is aligned with this direction. However, to ensure the safety of company and customer data, while complying with personal data protection laws, the company focuses on system development, building protective layers, and establishing clear processes. Therefore, the establishment of the AI & Data Team and the Information Security Team is a highlight of this restructuring.*

- **Về chính sách:** Công ty thường xuyên rà soát các Chính sách hiện hành, đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn. SSV đặc biệt chú trọng vào:

***Policies:** Company regularly reviews existing policies to ensure efficient and safe operations. SSV places particular emphasis on:*

- + **Quản trị rủi ro:** Chính sách quản trị rủi ro của Công ty chia các phòng ban ra thành 3 (ba) lớp bảo vệ, từ đó, quy định rõ ràng nhiệm vụ của từng lớp, đảm bảo không để lọt các rủi ro cần kiểm soát.

***Risk Management:** The company's risk management policy divides departments into three layers of defense, with clear responsibilities assigned to each layer, ensuring that no controllable risks are overlooked.*

- + **Con người:** Công ty hiểu rằng, nhân sự là yếu tố quan trọng cốt lõi của doanh nghiệp và nâng cao năng lực của nhân sự là điều cần thiết. Vì vậy, trong năm 2025, Công ty đã xây dựng Chính sách đào tạo đảm bảo tất cả nhân viên của Công ty đều được đào tạo để làm tốt vị trí đang đảm nhận hoặc đảm nhận các vị trí khác khi cần thiết.

**Human Resources:** *The company recognizes that personnel are the core factor of the business, and enhancing employee capabilities is essential. Thus, in 2025, the company introduced a training policy to ensure that all employees are equipped to perform their current roles effectively or take on other roles when necessary.*

- **Về quản lý:** Đi đôi với việc cấu trúc lại cơ cấu tổ chức là việc bổ nhiệm các chức danh Quản lý khối. Các Quản lý khối chia sẻ với Ban Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo Công việc hàng ngày của Khối. Từ đó, Quản lý Khối sẽ đánh giá nhanh các rủi ro tồn đọng và đưa ra ý kiến cho Ban Tổng Giám đốc tham khảo trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.

**Management:** *Alongside restructuring, the company appoints Division Managers. These managers share responsibilities with the Board of Management in directing daily operations of their divisions. As a result, Division Managers can quickly assess outstanding risks and provide recommendations to the Board of Management before final decisions are made.*

#### 4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in future**

Trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tiếp tục triển khai chiến lược phát triển toàn diện nhằm củng cố nền tảng hiện tại và tạo tiền đề cho tăng trưởng dài hạn:

*In the coming period, the Company will continue executing its comprehensive development strategy to strengthen its current foundation and enable long-term growth:*

Định hướng trọng tâm/ Key Focus Areas:

- **Tiếp tục đầu tư vào công nghệ và chuyển đổi số**, đặc biệt là phát triển hệ thống giao dịch và ứng dụng AI trong toàn bộ chuỗi giá trị.

*Continue investing in digital transformation, particularly in trading systems and AI applications across the value chain.*

- **Nâng cao giá trị khách hàng**, thông qua việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng phân khúc và cải thiện trải nghiệm người dùng.

*Enhance customer value by developing tailored products and improving user experience.*

- **Mở rộng hoạt động kinh doanh và nguồn thu**, đặc biệt trong các lĩnh vực IB và sản phẩm tài chính mới.

*Expand business activities and revenue streams, particularly in IB and new financial products.*

- **Tiếp tục củng cố hệ thống quản trị và quản lý rủi ro**, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và tuân thủ.

*Continue strengthening governance and risk management systems to ensure safe, efficient, and compliant operations.*

- **Phát triển năng lực nội tại và nguồn nhân lực**, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

*Develop internal capabilities and human resources to build a strong foundation for sustainable long-term growth.*

#### 5. **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)/ Explanation from Board of Management for audit opinions (if any)**

Không./ None.

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company**

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/  
*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*

Công ty luôn kiểm soát việc tiêu thụ năng lượng trong hoạt động vận hành kinh doanh thường ngày, sử dụng tiết kiệm điện và nước. Môi trường văn phòng làm việc được giữ vệ sinh sạch sẽ và quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của Ban Quản lý tòa nhà được tuân thủ đầy đủ.

*The Company consistently monitors energy consumption in its daily business operations, using electricity and water sparingly. The office environment is kept clean, and the building management's regulations on waste sorting and wastewater treatment are fully followed.*

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Công ty đã đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật, bao gồm tiền lương, phúc lợi và các chế độ bảo hiểm. Môi trường làm việc được duy trì an toàn, chuyên nghiệp, đồng thời các hoạt động đào tạo và gắn kết nội bộ được triển khai nhằm nâng cao năng lực và sự hài lòng của người lao động

*Company ensured compliance with labor regulations, including salaries, benefits, and statutory insurance. A safe and professional working environment was maintained, while training and engagement activities were implemented to enhance employee capability and satisfaction.*

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Công ty đã bắt đầu triển khai các hoạt động hướng đến cộng đồng địa phương, góp phần nâng cao hình ảnh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Các chương trình được thực hiện phù hợp với định hướng phát triển bền vững và bước đầu mang lại những tác động tích cực cho cộng đồng.

*Company implemented initiatives to support the local community, contributing to its corporate social responsibility and public image. These activities were aligned with the Company's sustainability orientation and have generated initial positive impacts.*

**IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CORPORATE GOVERNANCE**
**1. Hội đồng thành viên/ Members' Council**
**1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng thành viên/ Members and structure of Members' Council:**

STT No.	Thành viên HĐTV MC members	Chức vụ Position	Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Đại diện phần vốn góp Representative for contributed capital
1	Han Bok Hee	Chủ tịch HĐTV <i>Chairman of Members' Council</i>	02/06/2020	40%
2	Shin Jonghyuk	Thành viên HĐTV <i>Member of Members' Council</i>	10/04/2025	30%
3	Lee Changhwan	Thành viên HĐTV <i>Member of Members' Council</i>	04/09/2024	30%

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên/ The committees of the Members' Council:**

Trực thuộc Hội đồng thành viên theo cấu trúc quản trị hiện tại của Công ty gồm có:

*Under Members' Council according to the company's current governance structure are:*

- **Ban Kiểm soát:** Chịu trách nhiệm rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

*Inspection Committee: is responsible for reviewing contracts and transactions with affiliated person subject to approval by the Members' Council and Board of Management; Reviewing, inspecting and evaluate the effectiveness of internal control system, internal audit, risk management and early warning of the Company.*

- **Kiểm toán nội bộ:** chịu trách nhiệm rà soát hệ thống vận hành, mọi hoạt động của Công ty, độc lập với Ban Tổng Giám đốc đánh giá tính hiệu quả hoặc khuyến nghị những sửa đổi, bổ sung trong hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

*Internal Audit: responsible for reviewing the operations system, all activities of the Company, independently of the Board of Management to evaluate the effectiveness or recommend amendments and supplements to the operations of the Board of Management and professional teams/departments in the Company.*

**1.3. Hoạt động của Hội đồng thành viên/ Activities of the Members' Council:**

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	01/2025/ NQ-HĐTV	10/02/ 2025	1. Chấp thuận nội dung Báo cáo Phòng chống rửa tiền Quý 4 năm 2024 của Công ty. <i>Approve the content of the Quarterly AML Report in Q4.2024 of the Company.</i> 2. Chấp thuận nội dung Báo cáo tài chính Quý 4.2024. <i>Approve the content of the Financial Statement in Q4.2024.</i> 3. Thông qua nội dung Báo cáo Kiểm toán nội bộ đánh giá rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố năm 2024. <i>To go through the content of the Internal Audit report on Anti-money laundering activities in 2024.</i>	100%
2	02/2025/ NQ-HĐTV	26/03/ 2025	1. Thông qua kế hoạch chào bán chứng quyền của Công ty năm 2025 (Kế hoạch năm 2025). <i>To go through the covered warrants (CW) offering plan of the Company in 2025 (Plan of 2025).</i> 2. Cho phép áp dụng Điều 6.1 Quy chế làm việc của HĐTV đối với các cuộc họp HĐTV cho từng đợt phát hành chứng quyền năm trong Kế hoạch năm 2025; hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của HĐTV tham gia và ký Biên bản họp HĐTV. <i>To allow for applying Article 6.1 of the Rules of MC for the MC's meeting of each CW issuance under the Plan of 2025; valid when at least 2/3 of MC members participate and sign the Meeting Minute.</i> 3. HĐTV giao quyền cho BTGD để (1) quyết định các thời điểm phát hành chứng quyền trong năm 2025 và (2) quyết định Giá chào bán chứng quyền trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trên nguyên tắc phù hợp tình hình thị trường và nhu cầu nhà đầu tư. <i>The MC authorizes the BOM to (1) decide the issuance times of CWs in 2025, and (2) decide the Offering Price of CWs in the CW Issuance Notice after receiving the Certificate of Offering issued by SSC, on the principle of being consistent with the market and investor demand.</i> 4. HĐTV ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoàn thiện hồ sơ chào bán cho các đợt phát hành chứng quyền năm 2025. <i>The MC authorizes the General Director to complete the offering documents for CWs issuances in 2025.</i>	100%

3	03/2025/ NQ-HĐTV	27/03/ 2025	<p>1. Thông qua việc (i) chào bán chứng quyền của Công ty trong năm 2025; (ii) đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>To approve (i) CWs offering in 2025; (ii) registration for CWs depository at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and CWs listing at Ho Chi Minh City Stock Exchange according to the laws.</i></p> <p>2. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến chào bán chứng quyền.</p> <p><i>Delegate and authorize the Chairman of MC cum General Director to make decisions on matters related to CWs offering.</i></p> <p>3. Tùy từng trường hợp cụ thể, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc có thể ủy quyền/giao cho Phó Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số công việc nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn việc phê duyệt chi tiết các tài liệu, hồ sơ, thỏa thuận có liên quan đến việc chào bán thành công chứng quyền.</p> <p><i>Depending on each specific case, Chairman of MC cum General Director may authorize/delegate the Deputy General Director of the Company to perform some of the above tasks, including but not limited to approving details of documents, dossiers, agreements related to the successful offering of covered warrants.</i></p>	100%
4	04/2025/ NQ-HĐTV	10/04/ 2025	<p>Thực hiện thay đổi thành viên HĐQT theo Quyết định số 01/2025/QĐ-CSH của Chủ sở hữu như sau:</p> <p><i>To change the member of MC according to Owner's Decision No. 01/2025/QĐ-CSH as follow:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông YANG SEUNGWON kể từ ngày 10/04/2025.</li> <li>- To dismiss Mr. YANG SEUNGWON from the MC from 10/04/2025.</li> <li>- Bổ nhiệm thành viên mới của HĐQT kể từ ngày 10/04/2025 đối với người có tên sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Họ và tên: SHIN JONGHYUK</li> <li>+ Chức vụ: Thành viên HĐQT (đại diện cho 30% vốn chủ sở hữu)</li> <li>+ Quốc tịch: Hàn Quốc.</li> </ul> </li> </ul> <p><i>To appoint a new member of MC from 10/04/2025 for the following person:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Full name: SHIN JONGHYUK</li> <li>+ Position: Member of MC (represents 30% charter capital)</li> <li>+ Nationality: Republic of Korea.</li> </ul>	100%

5	07/2025/ NQ-HĐTV	09/06/ 2025	<p>1. Thông qua việc tham gia đầu tư góp vốn thành lập Quỹ đầu tư Thu nhập Bền vững KIM 1 (“Quỹ thành viên”). <i>To approve the capital contribution to establish the KIM Stability Fixed Income Fund 1 (“Member Fund”).</i></p> <p>2. Thông qua việc ủy quyền (giao quyền) cho Chủ tịch HĐQT để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc đầu tư tham gia góp vốn nêu trên. <i>To approve delegating (authorize) the Chairman of MC to decide on all issues related to the mentioned capital contribution activities.</i></p> <p>3. Thông qua việc Chủ tịch HĐQT được ủy quyền lại cho Phó Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc được giao. <i>Approve that Chairman of MC cum General Director may authorize the Deputy General Director of the Company to perform part or all of the assigned work.</i></p>	100%										
6	08/2025/ NQ-HĐTV		<p>Thực hiện theo Quyết định số 02/2025/QĐ-CSH của Chủ sở hữu ngày 09/09/2025 về việc bổ nhiệm lại người có tên dưới đây tiếp tục giữ các chức vụ tại Công ty kể từ ngày 14/08/2025: <i>To perform according to the Decision No. 02/2025/QĐ-CSH of the Owner of SSV dated 09/09/2025 regarding reappointing the person named below to continue to hold positions at the Company from the date of 14/08/2025:</i></p> <table border="1" data-bbox="544 1151 1300 2022"> <tr> <td data-bbox="544 1151 783 1245">Họ và tên/ <i>Full name:</i></td> <td data-bbox="783 1151 1300 1245"><b>Ông/Mr. HAN BOKHEE</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="544 1245 783 1339">Quốc tịch/ <i>Nationality:</i></td> <td data-bbox="783 1245 1300 1339">Hàn Quốc/<i>Republic of Korea</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="544 1339 783 1619">Chức vụ hiện tại/ <i>Current position:</i></td> <td data-bbox="783 1339 1300 1619">                     - Chủ tịch Hội đồng thành viên (đại diện cho 40% vốn chủ sở hữu) – Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Members’ Council (represents 40% Charter capital) – Legal representative</i>                      - Tổng Giám đốc/<i>General Director</i> </td> </tr> <tr> <td data-bbox="544 1619 783 1906">Chức vụ bổ nhiệm lại/ <i>Re-appointed position:</i></td> <td data-bbox="783 1619 1300 1906">                     - Chủ tịch Hội đồng thành viên (đại diện cho 40% vốn chủ sở hữu) – Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Members’ Council (represents 40% Charter capital) – Legal representative</i>                      - Tổng Giám đốc/<i>General Director</i> </td> </tr> <tr> <td data-bbox="544 1906 783 2022">Ngày bắt đầu nhiệm kỳ/ <i>Start of term:</i></td> <td data-bbox="783 1906 1300 2022">14/08/2025 Nhiệm kỳ: 05 năm/<i>Period: 05 years.</i></td> </tr> </table>	Họ và tên/ <i>Full name:</i>	<b>Ông/Mr. HAN BOKHEE</b>	Quốc tịch/ <i>Nationality:</i>	Hàn Quốc/ <i>Republic of Korea</i>	Chức vụ hiện tại/ <i>Current position:</i>	- Chủ tịch Hội đồng thành viên (đại diện cho 40% vốn chủ sở hữu) – Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Members’ Council (represents 40% Charter capital) – Legal representative</i> - Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>	Chức vụ bổ nhiệm lại/ <i>Re-appointed position:</i>	- Chủ tịch Hội đồng thành viên (đại diện cho 40% vốn chủ sở hữu) – Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Members’ Council (represents 40% Charter capital) – Legal representative</i> - Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>	Ngày bắt đầu nhiệm kỳ/ <i>Start of term:</i>	14/08/2025 Nhiệm kỳ: 05 năm/ <i>Period: 05 years.</i>	100%
Họ và tên/ <i>Full name:</i>	<b>Ông/Mr. HAN BOKHEE</b>													
Quốc tịch/ <i>Nationality:</i>	Hàn Quốc/ <i>Republic of Korea</i>													
Chức vụ hiện tại/ <i>Current position:</i>	- Chủ tịch Hội đồng thành viên (đại diện cho 40% vốn chủ sở hữu) – Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Members’ Council (represents 40% Charter capital) – Legal representative</i> - Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>													
Chức vụ bổ nhiệm lại/ <i>Re-appointed position:</i>	- Chủ tịch Hội đồng thành viên (đại diện cho 40% vốn chủ sở hữu) – Người đại diện theo pháp luật <i>Chairman of Members’ Council (represents 40% Charter capital) – Legal representative</i> - Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>													
Ngày bắt đầu nhiệm kỳ/ <i>Start of term:</i>	14/08/2025 Nhiệm kỳ: 05 năm/ <i>Period: 05 years.</i>													

7	09/2025/ NQ-HĐTV	<p>1. Thông qua việc (i) chào bán chứng quyền của Công ty trong năm 2025; (ii) đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>To approve (i) CWs offering in 2025; (ii) registration for CWs depository at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and CWs listing at Ho Chi Minh City Stock Exchange according to the laws.</i></p> <p>2. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến chào bán chứng quyền.</p> <p><i>Delegate and authorize the Chairman of MC cum General Director to make decisions on matters related to CWs offering.</i></p> <p>3. Tùy từng trường hợp cụ thể, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc có thể ủy quyền/giao cho Phó Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số công việc nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn việc phê duyệt chi tiết các tài liệu, hồ sơ, thỏa thuận có liên quan đến việc chào bán thành công chứng quyền.</p> <p><i>Depending on each specific case, Chairman of MC cum General Director may authorize/delegate the Deputy General Director of the Company to perform some of the above tasks, including but not limited to approving details of documents, dossiers, agreements related to the successful offering of covered warrants.</i></p>	100%
---	---------------------	--	------

## **2. Ban Kiểm soát/Inspection Committee**

### **2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát/ Information about members of Inspection Committee**

STT No.	Thành viên Ban Kiểm soát Inspection Committee Member	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm soát Date of becoming/ceasing to be member of Inspection Committee	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Kang Seungho	Trưởng Ban Kiểm soát Chief of Inspection Committee	Bổ nhiệm/Appointed: 26/01/2024	Thạc sĩ Master

### **2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát/Operations of Inspection Committee**

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc.

*Inspection Committee is directly under the Members' Council, reviews contracts and transactions with affiliated person subject to approval by the Member's Council and Board of Management.*

- Đánh giá kế hoạch và báo cáo hoạt động hàng năm của Phòng Kiểm soát Báo cáo Tài chính.  
*Review yearly plan and yearly activities report of the Internal Control Financial Reporting.*
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.  
*Review, inspect and evaluate the effectiveness of internal control system, internal audit, risk management and early warning of the Company.*
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của HĐQT.  
*Inspect accounting books, accounting records, other documents of the Company, the Company's administration where necessary or under resolutions of Members' Council.*
- Kiến nghị Hội đồng thành viên hoặc Ban Tổng Giám đốc biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.  
*Proposes changes or improvements to the Company's organizational structure and administration to the Members' Council or Board of Management.*

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc/ Transactions, remunerations and benefits of the Members' Council and the Board of Management**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2024/ Salary, rewards, remuneration and benefits in 2024**

- Hội đồng thành viên: Không nhận thù lao.  
*Members' Council: No remuneration and benefits.*
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:  
*Income of Board of Management:*

Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT <i>General Director cum Chairman of MC</i>	5,862,181,138 VND
Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT <i>Deputy General Director cum Member of MC</i>	6,164,399,777 VND

**3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders***

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT thông qua <i>No. of Resolution or Decision approved by MC</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value</i>
1	Shinhan Securities Co., Ltd.	Chủ sở hữu <i>Owner</i>	116-81-36684 do Phòng thuế Yeongdeungpo cấp/ issued by Yeongdeungpo Tax Division	07/02/2024	/	Các giao dịch thường xuyên được nêu trong Báo cáo tài chính năm 2025 <i>Regular transactions reported in 2025 Financial Statement</i>

**3.3. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty/ *Assessing the implementation of regulations on corporate governance***

Chủ sở hữu giao cho Hội đồng thành viên, nhân danh Chủ sở hữu, để ra quyết định và thực hiện các quyền của Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mọi hoạt động trọng yếu của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên đều được báo cáo đầy đủ và kịp thời với Chủ sở hữu.

*The Owner assigns the Members' Council, for and on behalf of the Owner, to make decisions and exercise the Owner's rights according to law and Company's Charter. All key activities of the Company under the decision-making authority of the Members' Council are fully and promptly reported to the Owner.*

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *FINANCIAL STATEMENTS***
**1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions***

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG.

*Independent audited unit: KPMG Limited Branch.*

- Ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2025: Chấp nhận toàn phần.

*Auditor's opinion on Financial Statement year 2025: Unqualified opinion.*

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ Audited financial statements**

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

*Audited annual financial statements in year 2025 includes: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation.*

Chi tiết đính kèm theo Báo cáo thường niên.

*Details as attached file.*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



**HAN BOKHEE**  
**Chủ tịch Hội đồng thành viên**  
*Chairman of Members' Council*



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

123/GP-UBCK

ngày 4 tháng 2 năm 2016

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0305374994

ngày 4 tháng 2 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0305374994 ngày 11 tháng 3 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh).

**Hội đồng Thành viên**

Ông Han BokHee  
Ông Lee ChangHwan  
Ông Shin Jonghyuk

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Han BokHee  
Ông Yang SeungWon

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Han BokHee

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

**Trụ sở chính**

Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng  
tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1  
Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội**

Lầu 2, Tòa nhà LeadVisors Place  
Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

  
  
Ông Han BokHee  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026

T.T.N.  
TY  
HỮU H  
HOÁN  
AN  
M  
HỒ C

1204  
NH  
IG TY  
KPM  
YỒ HỒ



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 54.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00380-26-1



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Mẫu số B01 – CTCK  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>		<b>6.849.653.910.054</b>	<b>6.974.004.039.648</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính (“TSTC”)</b>		<b>6.842.282.864.957</b>	<b>6.968.116.623.917</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		313.323.206.486	505.187.855.378
1.1	Tiền		313.323.206.486	255.187.855.378
1.2	Tương đương tiền		-	250.000.000.000
2	Các tài sản tài chính ghi nhận theo lãi/lỗ (“FVTPL”)		370.597.838.000	293.947.693.700
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.808.932.590.318	2.304.833.174.997
4	Các khoản cho vay		4.239.172.232.714	3.763.996.719.019
7	Các khoản phải thu ngắn hạn		107.292.498.611	97.677.599.361
7.1	Phải thu từ bán TSTC		-	18.402.000
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC		107.292.498.611	97.659.197.361
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.518.700.617	958.823.182
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		979.649.985	1.018.519.431
12	Các khoản phải thu khác		466.148.226	496.238.849
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.371.045.097</b>	<b>5.887.415.731</b>
2	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		350.005.000	256.090.000
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		6.657.972.097	5.271.407.731
4	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		363.068.000	359.918.000
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)</b>		<b>752.718.676.531</b>	<b>408.831.323.667</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>670.836.629.821</b>	<b>328.160.443.113</b>
2.	Các khoản đầu tư		671.860.443.113	328.160.443.113
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		626.700.000.000	283.000.000.000
2.4	Đầu tư dài hạn khác		45.160.443.113	45.160.443.113
3	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(1.023.813.292)	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>52.198.994.842</b>	<b>54.955.036.820</b>
1	Tài sản cố định hữu hình		19.235.757.614	19.247.683.233
	Nguyên giá		52.088.412.003	48.198.185.403
	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.852.654.389)	(28.950.502.170)
3	Tài sản cố định vô hình		32.963.237.228	35.707.353.587
	Nguyên giá		54.652.765.488	51.386.433.488
	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.689.528.260)	(15.679.079.901)
<b>IV</b>	<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>3.192.210.000</b>	<b>4.303.542.000</b>
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>26.490.841.868</b>	<b>21.412.301.734</b>
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn		11.726.307.590	5.312.327.606
2	Chi phí trả trước dài hạn		6.500.627.862	10.336.067.712
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		8.263.906.416	5.763.906.416
	<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>7.602.372.586.585</b>	<b>7.382.835.363.315</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>		<b>5.064.886.509.804</b>	<b>4.976.710.721.934</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>5.064.886.509.804</b>	<b>4.976.710.721.934</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		5.021.878.000.000	4.928.259.562.447
1.1	Vay ngắn hạn		5.021.878.000.000	4.928.259.562.447
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		1.770.323.940	1.358.580.796
8	Phải trả người bán ngắn hạn		3.467.377.586	6.932.719.156
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		14.010.484.737	7.424.448.737
13	Chi phí phải trả ngắn hạn		22.708.894.623	32.395.604.925
17	Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.051.428.918	339.805.873
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>		<b>2.537.486.076.781</b>	<b>2.406.124.641.381</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.537.486.076.781</b>	<b>2.406.124.641.381</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.912.600.000.000	1.912.600.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		1.912.600.000.000	1.912.600.000.000
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		7.589.402.954	7.589.402.954
5	Quỹ dự phòng tài chính		7.589.402.954	7.589.402.954
7	Lợi nhuận chưa phân phối		609.707.270.873	478.345.835.473
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện		610.474.701.367	478.489.009.339
7.2	Lỗ chưa thực hiện		(767.430.494)	(143.173.866)
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>			<b>7.602.372.586.585</b>	<b>7.382.835.363.315</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
5	005	205	200
8			
8	008	387.762.600.000	300.136.200.000
9	009	-	100.000
10	010	-	25.288.000
12	012	320.000.000.000	90.000.000.000
13	013	-	179.030.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
1	021	7.390.796.950.000	7.561.996.260.000
a	021.1	6.265.941.910.000	6.724.377.530.000
b	021.3	1.054.592.700.000	757.104.700.000
d	021.4	-	16.400.000.000
e	021.5	70.262.340.000	64.114.030.000
2	022	268.256.290.000	250.726.640.000
a	022.1	18.176.290.000	706.640.000
b	022.2	250.080.000.000	250.020.000.000
3	023	102.843.770.160	137.141.728.970
7	026	158.737.584.311	248.411.811.845
7.1	027	149.454.009.863	242.893.244.741
7.2	028	4.865.165.605	4.136.081.957
7.3	029	1.435.185.615	1.267.819.992
a	029.1	35.435.611	6.213.067
b	029.2	1.399.750.004	1.261.606.925
7.4	030	2.983.223.228	114.665.155

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B01 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	155.757.612.311	248.306.511.845
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	149.089.384.403	241.670.421.218
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	6.668.227.908	6.636.090.627
9 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	032	2.979.972.000	105.300.000

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân  
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Huệ Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Ông Han BokHee  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu số B02 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>		
<b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>						
1.1		Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01	46.309.694.448	21.933.380.848	
a	01.1	Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21(a)	34.452.693.756	2.889.288.050	
b	01.2	Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21(b)	(523.902.124)	511.095.770	
c	01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		12.380.902.816	18.532.997.028	
1.2		Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	159.106.357.019	154.696.763.744	
1.3		Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	381.626.203.530	350.288.703.220	
1.6		Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	61.327.218.318	62.855.821.954	
1.7		Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	12.270.454.545	5.920.000.000	
1.9		Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	2.453.721.682	2.395.738.297	
1.10		Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	3.454.545.455	11.200.635.455	
1.11		Thu nhập hoạt động khác	11	642.625.703	546.853.394	
	<b>20</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động</b>		<b>667.190.820.700</b>	<b>609.837.896.912</b>	
<b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>						
2.1		Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21	31.388.994.108	5.459.621.973	
a	21.1	Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21(a)	31.475.977.868	3.700.555.045	
b	21.2	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21(b)	(584.595.316)	606.544.989	
c	21.3	Chi phí giao dịch mua các TSTC ghi nhận theo FVTPL		497.611.556	1.152.521.939	
2.4		Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	22	235.053.235.604	210.503.847.015
2.6		Chi phí hoạt động tự doanh	26	347.559.473	1.152.197.202	
2.7		Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	23	129.528.635.020	137.963.282.391
2.8		Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	23	9.610.721.953	4.731.170.467
2.10		Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	23	2.694.236.425	2.586.603.618
2.11		Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	23	9.289.477.041	9.135.183.256
	<b>40</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>		<b>417.912.859.624</b>	<b>371.531.905.922</b>	

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
 (tiếp theo)

**Mẫu số B02 – CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>III</b>		<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	6.675.010
3.2		Doanh thu, lãi tiền gửi ngân hàng	42	1.259.697.353
		<b>Tổng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>1.266.372.363</b>
<b>IV</b>		<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	3.468.946.359
4.4		Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54	1.023.813.292
		<b>Tổng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>	<b>4.492.759.651</b>
<b>VI</b>		<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>24</b>
<b>VII</b>		<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	<b>70</b>	<b>165.072.920.151</b>
<b>VIII</b>		<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		
8.1		Thu nhập khác	71	6.314.274
8.2		Chi phí khác	72	448.632.239
		<b>Kết quả hoạt động khác</b> (80 = 71 - 72)	<b>80</b>	<b>(442.317.965)</b>
<b>IX</b>		<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b> (90 = 70 + 80)	<b>90</b>	<b>164.630.602.186</b>
9.1		Lợi nhuận đã thực hiện	91	165.254.858.814
9.2		Lỗ chưa thực hiện	92	(624.256.628)
<b>X</b>		<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>	<b>33.269.166.786</b>
10.1		Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	25
<b>XI</b>		<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b> (200 = 90 - 100)	<b>200</b>	<b>131.361.435.400</b>
				<b>134.838.027.070</b>

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân  
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Nguyễn Thị Huệ Hương  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Han BokHee  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

82 -  
 CỘNG HÒA  
 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
 VIỆT NAM  
 042  
 NHÀ  
 TY  
 M  
 100

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu số B03 – CTCK  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>01</b>	<b>164.630.602.186</b>	<b>168.696.146.180</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>(147.142.547.380)</b>	<b>(146.744.488.738)</b>
Khấu hao và phân bổ	03	9.912.600.578	9.285.679.597
Các khoản dự phòng	04	1.023.813.292	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	05	685.297.100	(179.376.266)
Chi phí lãi vay	06	235.053.235.604	210.503.847.015
Lỗ từ hoạt động đầu tư	07	189.612.392	2.467.061.164
Dự thu tiền lãi	08	(394.007.106.346)	(368.821.700.248)
<b>3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>(584.595.316)</b>	<b>606.544.989</b>
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	(584.595.316)	606.544.989
<b>4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>523.902.124</b>	<b>(511.095.770)</b>
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	523.902.124	(511.095.770)
<b>5 Tổng thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>(297.537.721.459)</b>	<b>(567.913.698.857)</b>
Tăng TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(76.589.451.108)	(85.909.226.199)
Giảm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	152.200.584.679	74.120.288.544
Tăng các khoản cho vay	33	(475.175.513.695)	(666.150.177.411)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu từ việc bán tài sản tài chính	35	18.402.000	(18.402.000)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	38.869.446	(99.694.655)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	30.090.623	(381.183.383)
Tăng các tài sản khác	40	(2.593.915.000)	(2.687.596.000)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(5.562.648.944)	2.403.811.221
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	42	2.448.875.484	(6.375.950.776)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(28.475.661.835)	(37.459.007.840)
Tiền lãi đã trả	44	(239.967.112.079)	(226.354.391.238)
(Giảm)/tăng phải trả cho người bán nước	45	(4.025.219.005)	4.749.565.192
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	1.792.531.049	(1.166.069.461)
Tăng các khoản phải trả khác	50	365.771.814	594.087.002
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	81.000.000	1.736.297.120
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(6.498.129.984)	(4.886.480.006)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (60 = 01 + 02 + 10 + 18 + 30)</b>	<b>60</b>	<b>(280.110.359.845)</b>	<b>(545,866,592,196)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu số B03 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(6.045.226.600)	(13.611.923.810)
Tiền thu từ bán tài sản cố định	62	-	68.363.636
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (70 = 61 + 62)</b>	<b>70</b>	<b>(6.045.226.600)</b>	<b>(13.543.560.174)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	14.542.231.960.367	14.617.516.734.979
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(14.447.941.022.814)	(14.024.287.682.512)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (80 = 73 + 74)</b>	<b>80</b>	<b>94.290.937.553</b>	<b>593.229.052.467</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>(191.864.648.892)</b>	<b>33.818.900.097</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>505.187.855.378</b>	<b>471.368.955.281</b>
▪ Tiền	101.1	255.187.855.378	471.368.955.281
▪ Các khoản tương đương tiền	101.2	250.000.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>313.323.206.486</b>	<b>505.187.855.378</b>
▪ Tiền	103.1	313.323.206.486	255.187.855.378
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	-	250.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu số B03 – CTCK  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2025 VND	2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	65.182.083.807.028	58.139.283.735.864
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(65.275.523.041.906)	(57.947.723.882.668)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	45.854.343.111.932	43.082.607.472.847
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(45.853.446.662.661)	(43.080.803.152.822)
Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	337.417.451.360	676.373.544.167
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(334.548.893.287)	(676.279.147.945)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>(89.674.227.534)</b>	<b>193.458.569.443</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>			
<b>Tiền gửi ngân hàng đầu năm</b>	<b>30</b>	<b>248.411.811.845</b>	<b>54.953.242.402</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	248.411.811.845	54.953.242.402
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	242.893.244.741	51.333.391.545
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	4.136.081.957	3.592.518.345
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	1.267.819.992	7.063.579
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	114.665.155	20.268.933
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>158.737.584.311</b>	<b>248.411.811.845</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng cuối năm</b>			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	158.737.584.311	248.411.811.845
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	149.454.009.863	242.893.244.741
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	4.865.165.605	4.136.081.957
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	1.435.185.615	1.267.819.992
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	2.983.223.228	114.665.155

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



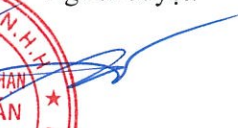
Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân  
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Nguyễn Thị Huệ Hương  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Han BokHee  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**Mẫu số B04 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2024	1/1/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND
Vốn góp	1.912.600.000.000	1.912.600.000.000	-	-	-	1.912.600.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7.589.402.954	7.589.402.954	-	-	-	7.589.402.954
Quỹ dự phòng tài chính	7.589.402.954	7.589.402.954	-	-	-	7.589.402.954
Lợi nhuận chưa phân phối	343.507.808.403	478.345.835.473	135.068.309.699	(230.282.629)	131.985.692.028	478.345.835.473
<i>Trong đó:</i>						
Lợi nhuận đã thực hiện	343.420.699.640	478.489.009.339	135.068.309.699	-	131.985.692.028	478.489.009.339
Lợi nhuận(lỗ) chưa thực hiện	87.108.763	(143.173.866)	-	(230.282.629)	-	(143.173.866)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.271.286.614.311</b>	<b>2.406.124.641.381</b>	<b>135.068.309.699</b>	<b>(230.282.629)</b>	<b>131.985.692.028</b>	<b>2.406.124.641.381</b>
						<b>2.537.486.076.781</b>

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

  
 Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân  
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

  
 Bà Nguyễn Thị Huệ Hương  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Ông Han BokHee  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 8 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### (b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 1.912.600.000.000 VND.

#### (c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán (bao gồm các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh).

#### (d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 138 nhân viên (31/12/2024: 102 nhân viên).

### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) được ghi nhận theo giá trị hợp lý được trình bày ở Thuyết minh 3(d) và TSTC sẵn sàng để bán (“AFS”) được ghi nhận theo giá trị hợp lý được trình bày ở Thuyết minh 3(f), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

**(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(f); và
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(h) và Thuyết minh 3(i);

*Nợ phải trả tài chính*

Ngoại trừ phải trả chứng quyền có đảm bảo được ghi nhận thông qua FVTPL như được trình bày ở Thuyết minh 3(j), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

**(iv) Cản trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

**(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

**(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua FVTPL.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy thì các tài sản tài chính này sẽ được phản ánh theo giá gốc. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên báo cáo kết quả hoạt động và “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” trên báo cáo tình hình tài chính.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

**(g) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn.

Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(h) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng từ tiền thu được do bán chứng khoán. Các khoản cho vay phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được xác lập dựa trên chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ gộp của khoản cho vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(i) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<b>Tình trạng quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(j) Chứng quyền có đảm bảo**

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở do tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, cụ thể như sau:

- Khi phát hành chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá phát hành và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.
- Chứng quyền được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành sau đó cuối kỳ kế toán năm đánh giá lại theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.
- Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào lỗ bán các tài sản tài chính thông qua FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.
- Lãi/(lỗ) tại ngày đáo hạn và mua lại chứng quyền được hạch toán vào lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

**(k) Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ**

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ với các ngân hàng thương mại. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá hối đoái ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

**(l) Tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	8 năm
▪ Máy móc và thiết bị	8 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
▪ Nâng cấp tài sản thuê	3 - 8 năm

**(m) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

**(n) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí của phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(o) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, nâng cấp văn phòng là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Nâng cấp văn phòng**

Nâng cấp văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(p) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(q) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17  
TY  
HỮU  
10  
A  
M  
10

42-00  
HÀNH  
Y TNHH  
MG  
CHÍNH

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/NQ-QH15 về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trong điều kiện các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này, Công ty đã xác định khoản thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu phải nộp theo quy định của BEPS 2.0 là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp và ghi nhận khoản này là thuế thu nhập hiện hành trong năm khi phát sinh, đồng thời lựa chọn không áp dụng kế toán thuế thu nhập hoãn lại đối với thuế bổ sung phát sinh do IIR và QDMTT.

AN  
N  
HT

**(s) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(t) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 4 năm 2014 ban hành bởi Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

**(u) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

M.S.C.N

23

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

**(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

**(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

**(v) Doanh thu từ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán**

Doanh thu từ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng hoặc chiết khấu mua chứng khoán. Doanh thu này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(vi) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính**

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(v) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

**(w) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(y) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**(z) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư theo yêu cầu của Thông tư 334 do Bộ Tài chính ban hành không được thể hiện trên báo cáo tài chính này được hiểu có số dư bằng không.

**4. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản trị Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.



Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

***Tài sản đảm bảo***

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

302  
NF  
NF  
G  
NH

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)****Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	313.323.206.486	505.187.855.378
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL – Chứng chỉ tiền gửi (ii)	370.000.000.000	278.000.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn (i)	1.727.932.590.318	2.204.833.174.997
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – trái phiếu doanh nghiệp (ii)	707.700.000.000	383.000.000.000
Các khoản cho vay (iii)	4.239.172.232.714	3.763.996.719.019
Các khoản phải thu ngắn hạn (iii)	107.292.498.611	97.677.599.361
Phải thu các dịch vụ cung cấp (iii)	979.649.985	1.018.519.431
Các khoản phải thu khác (iii)	466.148.226	496.238.849
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (iii)	8.263.906.416	5.763.906.416
Ký cược, ký quỹ (iii)	12.089.375.590	5.672.245.606
	<hr/>	<hr/>
	7.487.219.608.346	7.245.646.259.057

**(i) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn**

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp**

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp và không cho rằng các tổ chức này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo dựa trên đánh giá rủi ro tín dụng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay phải thu và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	5.021.878.000.000	5.080.789.656.082	5.080.789.656.082
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.770.323.940	1.770.323.940	1.770.323.940
Phải trả người bán ngắn hạn	3.467.377.586	3.467.377.586	3.467.377.586
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.708.894.623	22.708.894.623	22.708.894.623
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.051.428.918	1.051.428.918	1.051.428.918
	<b>5.050.876.025.067</b>	<b>5.109.787.681.149</b>	<b>5.109.787.681.149</b>

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	4.928.259.562.447	4.976.461.651.757	4.976.461.651.757
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.358.580.796	1.358.580.796	1.358.580.796
Phải trả người bán ngắn hạn	6.932.719.156	6.932.719.156	6.932.719.156
Chi phí phải trả ngắn hạn	32.395.604.925	32.395.604.925	32.395.604.925
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	339.805.873	339.805.873	339.805.873
	<b>4.969.286.273.197</b>	<b>5.017.488.362.507</b>	<b>5.017.488.362.507</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ là thấp. Công ty có thể huy động vốn và các khoản vay có kỳ hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với các tổ chức cho vay hiện tại.

3112  
 CHIT  
 NG  
 KF  
 PHO

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá chứng khoán vốn sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một khoản nợ ròng đáng kể bằng USD như được trình bày trong Thuyết minh 15. Tuy nhiên, Công ty đã ký kết các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ với các ngân hàng trong nước để khắc phục chi phí mua USD để trả nợ trong tương lai. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, rủi ro tiền tệ của Công ty được coi là không đáng kể.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	313.323.206.486	505.187.855.378
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL – chứng chỉ tiền gửi	370.000.000.000	278.000.000.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.727.932.590.318	2.204.833.174.997
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – trái phiếu doanh nghiệp	707.700.000.000	383.000.000.000
Các khoản cho vay	4.239.172.232.714	3.763.996.719.019
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	8.263.906.416	5.763.906.416
Vay ngắn hạn	(5.021.878.000.000)	(4.928.259.562.447)

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn***

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Nếu giá thị trường của các chứng khoán vốn của Công ty tăng hoặc giảm đi 41% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 195 triệu VND.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	597.838.000	597.838.000	15.947.693.700	15.947.693.700
▪ Chứng chỉ tiền gửi	370.000.000.000	370.000.000.000	278.000.000.000	278.000.000.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.727.932.590.318	1.727.932.590.318	2.204.833.174.997	2.204.833.174.997
▪ Trái phiếu chưa niêm yết – ngắn hạn	81.000.000.000	81.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
▪ Trái phiếu chưa niêm yết – dài hạn	626.700.000.000	(*)	283.000.000.000	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư dài hạn khác – thuần	44.136.629.821	(*)	45.160.443.113	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	313.323.206.486	313.323.206.486	505.187.855.378	505.187.855.378
▪ Các khoản cho vay	4.239.172.232.714	4.239.172.232.714	3.763.996.719.019	3.763.996.719.019
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn	107.292.498.611	107.292.498.611	97.677.599.361	97.677.599.361
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	979.649.985	979.649.985	1.018.519.431	1.018.519.431
▪ Các khoản phải thu khác	466.148.226	466.148.226	496.238.849	496.238.849
▪ Ký quỹ, ký cược - ngắn hạn	363.068.000	363.068.000	359.918.000	359.918.000
▪ Ký quỹ, ký cược - dài hạn	11.726.307.590	(*)	5.312.327.606	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	8.263.906.416	(*)	5.763.906.416	(*)



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
(5.021.878.000.000)	(5.021.878.000.000)	(4.928.259.562.447)	(4.928.259.562.447)	(4.928.259.562.447)
(1.770.323.940)	(1.770.323.940)	(1.358.580.796)	(1.358.580.796)	(1.358.580.796)
(3.467.377.586)	(3.467.377.586)	(6.932.719.156)	(6.932.719.156)	(6.932.719.156)
(22.708.894.623)	(22.708.894.623)	(32.395.604.925)	(32.395.604.925)	(32.395.604.925)
(1.051.428.918)	(1.051.428.918)	(339.805.873)	(339.805.873)	(339.805.873)

**Nợ phải trả tài chính**

*Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

- Vay ngắn hạn
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán
- Phải trả người bán ngắn hạn
- Chi phí phải trả ngắn hạn
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

**Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	313.323.206.486	255.187.855.378
Tương đương tiền	-	250.000.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>313.323.206.486</b>	<b>505.187.855.378</b>

**6. Tài sản tài chính**

**(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	<b>31/12/2025</b>		<b>31/12/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b> <b>VND</b>
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	651.554.200	597.838.000	16.062.103.092	15.947.693.700
Chứng chỉ tiền gửi (i)	370.000.000.000	370.000.000.000	278.000.000.000	278.000.000.000
	<b>370.651.554.200</b>	<b>370.597.838.000</b>	<b>294.062.103.092</b>	<b>293.947.693.700</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có chứng chỉ tiền gửi là 220.000 triệu VND (31/12/2024: 258.000 triệu VND) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

2-0  
ÁI  
T  
10  
ĐC

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn tại ngân hàng (*)	1.727.932.590.318	2.204.833.174.997
▪ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	81.000.000.000	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.808.932.590.318	2.304.833.174.997
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu chưa niêm yết (**)	626.700.000.000	283.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.435.632.590.318	2.587.833.174.997
	<hr/>	<hr/>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm với mức lãi suất năm từ 4,50% đến 7,10% (31/12/2024: từ 3,50% đến 9,00%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 1.601.123 triệu VND (31/12/2024: 2.042.265 triệu VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(\*\*\*) Thông tin chi tiết trái phiếu chưa niêm yết của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	Lãi suất năm	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tài sản bảo đảm
<b>Ngắn hạn</b>						
▪ CTCP ASG - ASGH2225001	-	100.000.000.000	9,50%	25/5/2022	25/5/2025	
▪ CTCP Transimex - TMSH2126001	81.000.000.000	-	8,80%	13/8/2021	13/8/2026	(i)
	<b>81.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>				
<b>Dài hạn</b>						
▪ CTCP Transimex - TMSH2126001	-	53.000.000.000	8,80%	13/8/2021	13/8/2026	(i)
▪ CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa - SBTH2327001	70.000.000.000	70.000.000.000	9,76%	26/6/2023	26/6/2027	(ii)
▪ CTCP Dầu tư Thành Thành Công - TTCCH2327002	75.700.000.000	90.000.000.000	11,00%	30/11/2023	31/10/2027	(iii)
▪ Tổng Công ty Dầu tư và Phát triển Công nghiệp - BCMH2427002	1.000.000.000	70.000.000.000	10,00%	8/8/2024	8/8/2027	(iv)
▪ CTCP Tasco Auto - TAU12501	50.000.000.000	-	10,00%	28/4/2025	28/4/2029	(v)
▪ Tổng Công ty Dầu tư và Phát triển Công nghiệp - BCMH12501	110.000.000.000	-	10,30%	6/8/2025	6/8/2028	(vi)
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lọc Phát Việt Nam - LPB7Y202403	120.000.000.000	-	7,03%	13/10/2025	13/10/2032	(vii)
▪ Tập đoàn Vingroup - VIC12511	200.000.000.000	-	12,00%	27/11/2025	27/11/2028	(viii)
	<b>626.700.000.000</b>	<b>283.000.000.000</b>				
	<b>707.700.000.000</b>	<b>383.000.000.000</b>				



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu được đảm bảo bằng 11.700.000 cổ phiếu phổ thông của CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu được đảm bảo bằng 23.384.390 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEG).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu được bảo đảm bằng 11.966.880 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công – Biên Hòa (SBT).
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, các trái phiếu được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất là Thửa đất số 10 (K4), Tờ bản đồ số 48, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- (v) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các trái phiếu này được bảo đảm bằng 17.520.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần DNP Holding (DNP).
- (vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các trái phiếu này được bảo đảm bằng 21 quyền sử dụng đất tại Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (vii) Các trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các trái phiếu này được bảo đảm bằng 60.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE).

**(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch kỹ quỹ chứng khoán (i)	4.146.172.778.080	4.146.172.778.080	3.629.116.332.032	3.629.116.332.032
Tạm ứng tiền bán chứng khoán (ii)	92.999.454.634	92.999.454.634	134.880.386.987	134.880.386.987
	<b>4.239.172.232.714</b>	<b>4.239.172.232.714</b>	<b>3.763.996.719.019</b>	<b>3.763.996.719.019</b>

- (i) Các khoản cho vay ký quỹ có thời hạn gốc không vượt quá ba (03) tháng kể từ ngày giải ngân và được hưởng lãi suất dao động từ 0,02% đến 0,04% mỗi ngày. Các khoản cho vay ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán cơ sở của khách hàng.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tạm ứng cho khách hàng từ tiền thu được do bán chứng khoán được hưởng lãi suất 0,03% mỗi ngày và có thời hạn gốc đến ngày đáo hạn từ 1 đến 2 ngày giao dịch.

00  
 CH  
 ÔN  
 K  
 PH

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**7. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu và dự thu tiền lãi từ đầu tư	73.076.478.831	65.272.337.720
Phải thu và dự thu tiền lãi từ các khoản cho vay	34.216.019.780	32.386.859.641
	<hr/>	<hr/>
	<b>107.292.498.611</b>	<b>97.659.197.361</b>

**8. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dịch vụ công nghệ thông tin	6.178.761.687	4.797.271.547
Các chi phí khác	479.210.410	474.136.184
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.657.972.097</b>	<b>5.271.407.731</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Nâng cấp văn phòng VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Các chi phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	7.024.111.766	2.970.194.391	341.761.555	10.336.067.712
Tăng trong năm	114.647.046	576.290.513	11.308.000	702.245.559
Phân bổ trong năm	(2.724.776.369)	(1.649.727.882)	(163.181.158)	(4.537.685.409)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	<b>4.413.982.443</b>	<b>1.896.757.022</b>	<b>189.888.397</b>	<b>6.500.627.862</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**9. Đầu tư dài hạn khác**

	Tỷ lệ nắm giữ %	31/12/2025		31/12/2024	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Logisvalley Vina	5,82	45.160.443.113	(1.023.813.292)	44.136.629.821	45.160.443.113

Công Ty TNHH Logisvalley Vina là công ty có địa chỉ tại Lô CN7-10 và Lô CN8-5, Khu Công Nghiệp Yên Phong Mở Rộng, Thôn Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là trung tâm hậu cần và kho bãi.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



CHỈ  
 T  
 I  
 42-6

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.289.081.100	25.280.167.528	21.628.936.775	48.198.185.403
Tăng trong năm	-	-	219.663.200	219.663.200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 12)	-	-	3.670.563.400	3.670.563.400
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.289.081.100</b>	<b>25.280.167.528</b>	<b>25.519.163.375</b>	<b>52.088.412.003</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.289.081.100	17.714.324.394	9.947.096.676	28.950.502.170
Khấu hao trong năm	-	1.803.331.645	2.098.820.574	3.902.152.219
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.289.081.100</b>	<b>19.517.656.039</b>	<b>12.045.917.250</b>	<b>32.852.654.389</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	-	7.565.843.134	11.681.840.099	19.247.683.233
Số dư cuối năm	-	5.762.511.489	13.473.246.125	19.235.757.614

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá là 22.303.182.861 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: 18.674.282.861 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	314.420.000	51.072.013.488	51.386.433.488
Tăng trong kỳ	-	655.000.000	655.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	2.611.332.000	2.611.332.000
Số dư cuối năm	314.420.000	54.338.345.488	54.652.765.488
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	15.679.079.901	15.679.079.901
Khấu hao trong năm	-	6.010.448.359	6.010.448.359
Số dư cuối năm	-	21.689.528.260	21.689.528.260
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	314.420.000	35.392.933.587	35.707.353.587
Số dư cuối năm	314.420.000	32.648.817.228	32.963.237.228

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá là 5.443.049.621 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: 5.443.049.621 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

NH  
ST  
PH  
Ổ H

04.

NH  
ST  
PH

Ổ H

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.303.542.000	355.383.380
Tăng trong năm	5.170.563.400	8.356.780.620
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(3.670.563.400)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(2.611.332.000)	(4.408.622.000)
Số dư cuối năm	3.192.210.000	4.303.542.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phần mềm	3.192.210.000	4.303.542.000

**13. Ký quỹ, ký cược**

**(a) Ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền cọc thuê nhà	363.068.000	359.918.000

**(b) Ký quỹ, ký cược dài hạn**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền cọc thuê văn phòng	5.296.507.590	5.223.327.606
Chương trình ưu đãi sân golf	6.300.000.000	-
Khác	129.800.000	89.000.000
	11.726.307.590	5.312.327.606

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

#### **14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND. Mức đóng tối đa vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán là 20 tỷ VND.

Biến động của tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.763.906.416	3.263.906.416
Tiền nộp trong năm	2.165.941.693	2.348.252.175
Tiền lãi nhận được trong năm	334.058.307	151.747.825
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.263.906.416	5.763.906.416

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**15. Vay ngắn hạn**

Diễn giải	Nguyên tệ	Lãi suất định kỳ %	1/1/2025 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2025 VND
<b>Khoản vay ngắn hạn từ</b>							
▪ Ngân hàng trong nước	VND	3,80% - 8,43%	3.994.999.562.447	11.880.528.960.367	(11.275.330.522.814)	-	4.600.198.000.000
▪ Ngân hàng nước ngoài	USD	5,20% - 9,18%	426.260.000.000	2.661.703.000.000	(2.666.110.500.000)	(172.500.000)	421.680.000.000
▪ Công ty mẹ	USD	5,00% - 5,90%	507.000.000.000	-	(506.500.000.000)	(500.000.000)	-
			4.928.259.562.447	14.542.231.960.367	(14.447.941.022.814)	(672.500.000)	5.021.878.000.000

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, tài trợ hoạt động tự doanh và cho vay ký quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng trong nước và nước ngoài với số tiền là 4.210.698 triệu VND (31/12/2024: 3.662.396 triệu VND) được đảm bảo bởi 1.821.123 triệu VND các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6) và khoản bảo lãnh từ công ty mẹ (31/12/2024: 2.042.265 triệu VND các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6), 258.000 triệu VND các khoản chứng chỉ tiền gửi (Thuyết minh 6) và khoản bảo lãnh từ công ty mẹ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, Công ty có các cam kết mua USD với các ngân hàng nước ngoài, chi tiết như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
Cam kết hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
	16.000.000	422.145.000.000	37.000.000	932.699.560.000



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>
Phải trả cho các Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam	1.540.523.585	1.122.130.523
Phải trả cho VSDC	229.800.355	236.450.273
	<hr/>	<hr/>
	1.770.323.940	1.358.580.796

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2024</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba		
- Phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin	2.287.044.330	2.640.360.000
- Thuê xe	191.570.794	198.700.550
- Dịch vụ quảng cáo	249.847.654	1.699.576.433
- Khác	303.092.808	1.838.202.173
Bên liên quan		
- Phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin	357.448.000	555.880.000
- Khác	78.374.000	-
	<hr/>	<hr/>
	3.467.377.586	6.932.719.156

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản phải trả quá hạn.

Các khoản phải trả thương mại liên quan đến các công ty liên quan trên không có bảo đảm, không tính lãi và phải thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.949.766.678	33.269.166.786	(28.475.661.835)	8.743.271.629
Thuế thu nhập cá nhân	3.215.732.805	57.738.891.644	(55.854.245.128)	5.100.379.321
Thuế giá trị gia tăng	29.566.077	1.128.901.078	(1.155.671.700)	2.795.455
Thuế nhà thầu nước ngoài	229.383.177	4.471.356.801	(4.536.701.646)	164.038.332
Phí khác	-	190.951.922	(190.951.922)	-
	7.424.448.737	96.799.268.231	(90.213.232.231)	14.010.484.737

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí lãi vay	9.616.060.058	14.369.121.416
Chi phí thưởng	6.704.970.170	12.837.684.199
Chi phí hoa hồng	1.852.784.001	3.723.121.112
Phí chuyên gia tư vấn	792.167.599	437.101.941
Phí quản lý	2.141.119.476	-
Các chi phí khác	1.601.793.319	1.028.576.257
	22.708.894.623	32.395.604.925

**20. Vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ được duyệt và đã góp tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024	
	VND	%
Shinhan Securities Co., Ltd.	1.912.600.000.000	100

Công ty mẹ trực tiếp, Shinhan Securities Co., Ltd. và công ty mẹ cấp cao nhất, Shinhan Financial Group Co., Ltd. được thành lập tại Hàn Quốc.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***21. Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL****(a) Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL**

	<b>2025</b>	<b>2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lãi từ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL</b>		
Cổ phiếu niêm yết	26.853.233.654	1.116.737.368
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	1.136.051.202	457.756.821
Trái phiếu chính phủ	350.330.000	10.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	1.304.793.861
Khác	3.090.000	-
	<hr/>	<hr/>
	28.342.704.856	2.889.288.050
Chứng quyền có bảo đảm do công ty phát hành	6.109.988.900	-
	<hr/>	<hr/>
	34.452.693.756	2.889.288.050
<b>Lỗ từ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL</b>		
Cổ phiếu niêm yết	13.510.396.646	1.012.978.959
Trái phiếu chính phủ	623.950.000	2.227.110.000
Chứng chỉ tiền gửi	110.113.422	460.466.086
Khác	2.702.100	-
	<hr/>	<hr/>
	14.247.162.168	3.700.555.045
Chứng quyền có bảo đảm do công ty phát hành	17.228.815.700	-
	<hr/>	<hr/>
	31.475.977.868	3.700.555.045
	<hr/>	<hr/>
	2.976.715.888	(811.266.995)

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết lãi/(lỗ) từ việc bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong năm như sau:

2025	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/ (lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	14.955.952	439.305.106.800	425.962.269.792	13.342.837.008	103.758.409
Chứng quyền do Công ty phát hành	21.842.800	47.767.324.000	58.886.150.800	(11.118.826.800)	-
Trái phiếu chính phủ	107.465.000	11.156.284.375.000	11.156.557.995.000	(273.620.000)	(2.217.110.000)
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	1.741	266.700.922.435	265.564.871.233	1.136.051.202	457.756.821
Chứng chỉ tiền gửi	2.575	597.889.886.578	598.000.000.000	(110.113.422)	844.327.775
Khác	133.000	97.082.000	96.694.100	387.900	-
	144.401.068	12.508.044.696.813	12.505.067.980.925	2.976.715.888	(811.266.995)

2024	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	852.369	29.743.412.210	29.639.653.801	103.758.409	-
Trái phiếu chính phủ	69.990.000	7.550.727.010.000	7.552.944.120.000	(2.217.110.000)	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	72	73.624.312.986	73.166.556.165	457.756.821	-
Chứng chỉ tiền gửi	4.001.718	1.772.388.870.940	1.771.544.543.165	844.327.775	(48.540.964)
	74.844.159	9.426.483.606.136	9.427.294.873.131	(811.266.995)	(48.540.964)



**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua FVTPL**

	<b>2025 VND</b>	<b>2024 VND</b>
Biến động của chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua FVTPL	(523.902.124)	511.095.770
Biến động của chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua FVTPL	(584.595.316)	606.544.989
	<hr/>	<hr/>
	60.693.192	(95.449.219)

120  
HIN  
NG1  
KP  
H01

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiết tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua FVTPL:

	Giá gốc tại ngày 31/12/2025 VND	Giá trị hợp lý/ Giá thị trường tại 31/12/2025 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2025 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 1/1/2025 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm VND
<b>2025</b>					
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
Cổ phiếu niêm yết	651.554.200	597.838.000	(53.716.200)	(114.409.392)	60.693.192
Chứng chỉ tiền gửi	370.000.000.000	370.000.000.000	-	-	-
	370.651.554.200	370.597.838.000	(53.716.200)	(114.409.392)	60.693.192
<b>2024</b>					
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
Cổ phiếu niêm yết	16.062.103.092	15.947.693.700	(114.409.392)	(18.960.173)	(95.449.219)
Chứng chỉ tiền gửi	278.000.000.000	278.000.000.000	-	-	-
	294.062.103.092	293.947.693.700	(114.409.392)	(18.960.173)	(95.449.219)

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***22. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	235.053.235.604	210.503.847.015

**23. Chi phí hoạt động không liên quan đến tài sản tài chính**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán</b>	<b>129.528.635.020</b>	<b>137.963.282.391</b>
Chi phí lương cho nhân viên	39.182.004.308	40.920.520.100
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	40.361.446.473	42.173.883.629
Phí môi giới chứng khoán	13.189.006.282	17.937.046.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.781.398.503	27.276.447.767
Khấu hao và phân bổ	7.720.905.800	7.784.995.728
Công cụ và dụng cụ	1.294.400.985	1.197.580.217
Chi phí khác	999.472.669	672.807.998
<b>Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán</b>	<b>9.610.721.953</b>	<b>4.731.170.467</b>
Chi phí nhân viên	9.610.721.953	4.731.170.467
<b>Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán</b>	<b>2.694.236.425</b>	<b>2.586.603.618</b>
<b>Chi phí hoạt động tư vấn tài chính</b>	<b>9.289.477.041</b>	<b>9.135.183.256</b>
Chi phí nhân viên	3.767.988.289	6.184.690.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.366.974.035	2.691.298.621
Khấu hao và phân bổ	7.851.240	231.713.886
Chi phí khác	146.663.477	27.480.008
	<b>151.123.070.439</b>	<b>154.416.239.732</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí quản lý**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lương nhân viên	33.641.460.787	27.053.107.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.896.259.889	25.003.662.350
Chi phí thuê văn phòng	16.006.591.444	13.450.376.443
Khấu hao và phân bổ	2.183.843.538	1.332.452.328
Chi phí khác	1.250.497.979	1.129.426.896
	<hr/>	<hr/>
	80.978.653.637	67.969.025.752

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	33.210.334.746	33.858.119.110
Dự phòng thiếu của những năm trước	58.832.040	-
	<hr/>	<hr/>
	33.269.166.786	33.858.119.110

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2025</b> <b>VND</b>	<b>2024</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	164.630.602.186	168.696.146.180
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.926.120.437	33.739.229.236
Chi phí không được khấu trừ thuế	284.214.309	118.889.874
Dự phòng thiếu của những năm trước	58.832.040	-
	<hr/>	<hr/>
	33.269.166.786	33.858.119.110

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(d) Thuế tối thiểu toàn cầu**

Như được đề cập tại Thuyết minh 3(r), ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết này quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trên cơ sở Nghị quyết này, ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

Theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc, việc áp dụng yêu cầu về thuế tối thiểu toàn cầu không có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính của Công ty.

**26. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
<b>Công ty Chứng khoán Shinhan – công ty mẹ</b>		
Cung cấp dịch vụ môi giới	7.911.452.107	255.480.840
Nhận tiền vay ngắn hạn	-	507.000.000.000
Trả gốc vay	506.500.000.000	469.300.000.000
Chi phí lãi vay	9.186.441.388	31.185.617.487
Chi phí quản lý	2.141.119.476	1.509.070.365
Chi phí bảo lãnh khoản vay	1.931.245.867	1.869.769.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.831.190	13.000.212
<b>Ngân hàng Shinhan Vietnam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Nhận tiền vay ngắn hạn	2.865.500.000.000	2.194.900.000.000
Trả gốc khoản vay	2.607.400.000.000	1.886.000.000.000
Chi phí lãi vay	44.774.549.754	35.774.235.373
Thu nhập lãi tiền gửi	11.097.961.520	10.142.163.001
Rút gửi có kỳ hạn	4.400.000.000	171.500.000.000
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	118.500.000.000	4.500.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	1.400.000.000
Phí ngân hàng	3.602.500	11.988.936
<b>Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Mua dịch vụ	6.561.586.864	15.520.336.160
Mua tài sản cố định	3.670.563.400	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	12.567.247.753	12.026.271.948

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư tại ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Công ty Chứng khoán Shinhan – công ty mẹ</b>		
Phải thu phí môi giới	1.254.484	1.048.390
Vay ngắn hạn	-	507.000.000.000
Dự chi lãi vay	-	3.928.169.412
Phải trả chi phí dịch vụ bảo lãnh	1.141.298.492	928.194.750
Phải trả chi phí quản lý	2.141.119.476	-
<b>Ngân hàng Shinhan Vietnam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn	13.158.534.739	6.571.890.790
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	171.400.000.000	285.500.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	4.555.956.712	6.596.805.479
Vay ngắn hạn	1.122.000.000.000	863.900.000.000
Dự chi lãi vay	1.183.420.001	739.260.027
Phải trả cho nhà cung cấp	54.560.000	-
<b>Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam – công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	381.262.000	555.880.000
Phải trả khác	12.852.000	-

**27. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2025		2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện VND	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện VND	Giá trị giao dịch thực hiện VND
<b>Của Công ty</b>				
Cổ phiếu	28.998.952	850.542.801.800	2.421.619	75.292.292.210
Chứng quyền	47.822.300	92.282.314.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	2.803	1.038.000.000.000	8.004.938	5.631.290.276.014
Trái phiếu doanh nghiệp	1.206.898	955.311.839.449	1.387	398.830.449.977
Trái phiếu chính phủ	214.930.000	22.312.842.370.000	139.980.000	15.103.671.130.000
<b>Của nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	1.909.096.046	47.037.309.064.900	1.971.693.198	43.665.068.937.960
Chứng chỉ quỹ	614.313	17.222.768.210	591.819	16.184.703.370
Chứng quyền	8.838.891	17.452.202.860	3.774.400	2.432.580.000
Trái phiếu doanh nghiệp	30.640	139.481.598.599	20.079	62.834.840.863
	2.211.540.843	72.460.444.959.818	2.126.487.440	64.955.605.210.394

**Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu số B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**28. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	21.458.414.326	18.467.901.045
Từ hai đến năm năm	81.581.389.003	74.906.591.745
Từ năm năm trở lên	82.414.386.805	103.148.152.818
	<hr/>	<hr/>
	185.454.190.134	196.522.645.608
	<hr/>	<hr/>

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Huỳnh Thụy Hải Ngân  
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Nguyễn Thị Huệ Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Han BokHee  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN  
SHINHAN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2026/CV-SSV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình LNST năm.2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**
- **Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**
- **Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM**

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4, điều 14 Công ty chứng khoán phải giải trình nguyên nhân xảy ra trường hợp: " Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo kỳ trước:..."

Theo đó, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Shinhan Việt Nam giải trình như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/( Giảm)	
			Giá trị	% Chênh lệch
I. Doanh thu hoạt động	667.190.820.700	609.837.896.912	57.352.923.788	9%
II. Chi phí hoạt động	417.912.859.624	371.531.905.922	46.380.953.702	12%
III. Doanh thu hoạt động tài chính	1.266.372.363	801.213.010	465.159.353	58%
IV. Chi phí tài chính	4.492.759.651	619.327.946	3.873.431.705	N/A
VI. Chi phí quản lý	80.978.653.637	67.969.025.752	13.009.627.885	19%
VII. Kết quả hoạt động	165.072.920.151	170.518.850.302	(5.445.930.151)	-3%
VIII. Thu nhập khác và chi phí khác	(442.317.965)	(1.822.704.122)	1.380.386.157	N/A
IX. Tổng lợi nhuận trước thuế	164.630.602.186	168.696.146.180	(4.065.543.994)	-2%
X. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	33.269.166.786	33.858.119.110	(588.952.324)	-2%
<b>XI. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>131.361.435.400</b>	<b>134.838.027.070</b>	<b>(3.476.591.670)</b>	<b>-3%</b>



Nguyên nhân biến động:

1/ Doanh thu năm 2025 tăng 57 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương tăng 9%). Chủ yếu là do:

Trong năm 2025, doanh thu từ cho vay ký quỹ khách hàng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

2/ Chi phí hoạt động trong năm 2025 tăng 46 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024 (tương đương tăng 12%) là do:

Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới, hoạt động giao dịch ký quỹ so với cùng kỳ năm ngoái dẫn đến những chi phí liên quan tương ứng như chi phí lãi vay, chi phí cho hoạt động môi giới cũng tăng theo..

3/ Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 tăng 13 tỷ so với năm 2024

Trên đây là giải trình về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2024.

**Nơi nhận:**

- Lưu: như trên & Phòng kế toán

Tp.HCM, Ngày 06 tháng 03 năm 2026

**Tổng Giám đốc**



**Han BokHee**

